

Số: 03/PGD&ĐT

An Dương, ngày 02 tháng 01 năm 2024

V/v tham gia ý kiến vào Dự thảo Đề án phát triển giáo dục mầm non và phổ thông huyện An Dương đến năm 2030

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị thuộc huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Hiệu trưởng các trường: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, THPT: An Dương, Nguyễn Trãi, An Hải, Tân An;
- Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp &GDTX An Dương.

Căn cứ Quyết định số 821/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình hành động số 05-CTr/HU ngày 26/01/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế”.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện phối hợp các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện tham mưu xây dựng Dự thảo Đề án phát triển giáo dục mầm non và phổ thông huyện An Dương đến năm 2030.

Căn cứ Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện An Dương, nhiệm kỳ 2021-2026; Phòng Giáo dục và Đào tạo kính đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị thuộc huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Hiệu trưởng các trường: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, THPT: An Dương, Nguyễn Trãi, An Hải, Tân An, Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp &GDTX An Dương tham gia ý kiến đối với nội dung Dự thảo đề án theo lĩnh vực phụ trách và quản lý (*gửi kèm theo*);

Văn bản tham gia ý kiến gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, đồng thời gửi file điện tử địa chỉ Ngovannghia@haiphong.gov.vn trước ngày 08/01/2024 để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân huyện.

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện kính đề nghị các đơn vị quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Vũ Mạnh Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG

ĐỀ ÁN
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG
HUYỆN AN DƯƠNG ĐẾN NĂM 2030



An Dương - năm 2023

MỤC LỤC

Phần thứ nhất

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT	3
I. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	3
1. Các văn bản của Trung ương	3
2. Các văn bản của thành phố, huyện.....	5
II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	7

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG HUYỆN AN DƯƠNG.....	9
I. TÌNH HÌNH CHUNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN.....	9
1. Quy mô trường, lớp, học sinh	9
2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên	9
3. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.....	10
4. Chất lượng giáo dục và đào tạo	11
II. THỰC TRẠNG CÁC ĐƠN VỊ TRONG ĐỀ ÁN SẮP XẾP, SÁP NHẬP ĐỂ THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH PHƯỜNG.....	13
1. Phường An Hải (sau khi sáp nhập xã Đặng Cương và xã Quốc Tuấn)	13
2. Phường Nam Sơn (sáp nhập từ xã Nam Sơn và khu vực 2 xã Bắc Sơn).....	15
3. Phường Lê Lợi (sáp nhập từ thị trấn An Dương và xã Lê Lợi)	17
III. ĐÁNH GIÁ CHUNG	20
1. Những thuận lợi.....	20
2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân	21
3. Bài học kinh nghiệm	23

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG HUYỆN AN DƯƠNG ĐẾN NĂM 2030.....	25
I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH.....	25
II. QUAN ĐIỂM.....	26
1. Quan điểm phát triển giáo dục mầm non và phổ thông huyện An Dương đến năm 2030:.....	26
2. Đối tượng đề án.....	267
III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN.....	27
1. Mục tiêu chung.....	27

2. Mục tiêu cụ thể.....	27
IV. NỘI DUNG TRIỂN KHAI.....	30
1. Quy hoạch mạng lưới, phát triển quy mô các cơ sở giáo dục.....	30
2. Phát triển, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên	31
3. Đầu tư xây dựng trường học trọng điểm chất lượng cao	31
4. Thực hiện chuyển đổi số, xây dựng mô hình trường học thông minh và trí tuệ nhân tạo vào quản trị trường học và tổ chức dạy học.	33
5. Nâng cao chất lượng và các chỉ số giáo dục	33
V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP.....	37
1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và đổi mới công tác quản lý giáo dục	37
2. Tập trung nguồn lực đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ chuẩn hóa, hiện đại hóa	38
3. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, đạt về yêu cầu chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong tình hình mới.....	38
4. Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, học sinh giỏi.....	39
5. Đẩy mạnh công tác truyền thông, xã hội hóa phát triển giáo dục.....	39
6. Xây dựng và nâng cao chất lượng môi trường giáo dục	39
7. Nhóm giải pháp đột phá.....	40
<i>Phần thứ tư</i>	
TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	42
1. Phòng Giáo dục và Đào tạo.....	42
2. Phòng Nội vụ.....	43
3. Phòng Tài chính - Kế hoạch.....	43
4. Phòng Kinh tế - Hạ tầng.....	44
5. Phòng Tài nguyên - Môi trường.....	44
6. Đề nghị các Ban xây dựng Đảng Huyện ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội.....	44
7. Đối với các xã, thị trấn	45
8. Các cơ sở giáo dục mầm non, các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên	45
<i>Phần thứ năm</i>	
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	46

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐA-UBND
(Dự thảo)

An Dương, ngày tháng 12 năm 2023

**ĐỀ ÁN
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG
HUYỆN AN DƯƠNG ĐẾN NĂM 2030**

Phần thứ nhất

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

I. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Các văn bản của Trung ương

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế";
- Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/1/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;
- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính Phủ về quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
- Quyết định số 404/QĐ-TTg, ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
- Quyết định số 821/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1677/QĐ-TTg, ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025;
- Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28/11/2014 của Quốc hội;
- Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;
- Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;
- Công văn số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông;
- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành chương trình giáo dục phổ thông tổng thể;
- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;
- Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học;
- Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường mầm non;

- Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- Công văn số 6583/BNV-CQĐP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng Đề án thành lập quận thuộc thành phố Hải Phòng;

- Công văn số 3293/BNV-CQĐP ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Bộ Nội vụ về việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp huyện để mở rộng quận Hồng Bàng và thành lập quận An Dương thuộc thành phố Hải Phòng.

2. Các văn bản của thành phố, huyện

- Nghị quyết số 09-NQ/ĐH ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Đại hội Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ XVI nhiệm kỳ 2020-2025: “huyện An Dương thành đơn vị hành chính quận trước năm 2025”;

- Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 04 tháng 02 năm 2015 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

- Chương trình hành động số 76-CTr/TU ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Thông báo số 580-TB/TU ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về chủ trương xây dựng Đề án thành lập đơn vị hành chính quận tại huyện An Dương;

- Kết luận số 250-KL/TU ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng về điều chỉnh địa giới hành chính giữa quận Hồng Bàng và huyện An Dương;

- Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về phê duyệt Quy hoạch phát triển giáo dục phổ thông và mầm non thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về thực hiện Quy hoạch phát triển giáo dục phổ thông và mầm non thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết 06/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về Quy định cơ chế chính sách trong phát hiện, đào

tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi; tuyển chọn, sử dụng, đãi ngộ đội ngũ giáo viên giỏi trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia, quốc tế thành phố Hải Phòng trong đó có yêu cầu xây dựng đề án trường trung học cơ sở trọng điểm tại các quận, huyện để tạo nguồn, phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi thành phố từ cấp trung học cơ sở;

- Công văn số 777/UBND-NV ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc triển khai xây dựng Đề án thành lập đơn vị hành chính quận tại huyện An Dương;

- Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng triển khai thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các sở, ngành, phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố theo quy định của Chính Phủ;

- Công văn 2461/UBND-KSTTHC ngày 09 tháng 10 năm 2023 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2025;

- Quyết định 62/2022/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng;

- Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện An Dương;

- Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực đô thị An Dương, thành phố Hải Phòng;

- Công văn 1614/UBND-KSTTHC ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc bổ sung nội dung Đề án thành lập ĐVHC quận tại huyện An Dương;

- Văn bản số 3023/UBND-KSTTHC ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về phương án sắp xếp đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo gắn với Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025;

- Chương trình hành động số 05-CTr/HU ngày 26 tháng 01 năm 2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế”;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện An Dương lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2020-2025;

- Chương trình hành động số 01-CTr/HU ngày 21/8/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2020-2025.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Phát triển giáo dục và đào tạo có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội bền vững của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. Quan điểm về đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo, phát triển khoa học công nghệ và phát triển con người được nhấn mạnh trong các Văn kiện, Nghị quyết, Cương lĩnh của Đảng. Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định một trong các định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 là “Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài”. Chính bởi vậy, phát triển giáo dục và đào tạo có vai trò hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, mỗi địa phương. Với phương hướng “Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế” và phương châm “Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế (công dân toàn cầu)”¹, toàn hệ thống chính trị đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả cao, bền vững hơn nữa, cần có những chủ trương, giải pháp tích cực, đồng bộ hơn.

Trong 5 năm qua, cùng với sự phát triển của kinh tế - xã hội, công tác giáo dục và đào tạo của huyện đã có những bước phát triển ổn định, đạt được nhiều kết quả toàn diện, vượt bậc; chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực. Quy mô, mạng lưới giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng, huyện An Dương là đơn vị đầu tiên của thành phố Hải Phòng có 100% các trường công lập đạt chuẩn quốc gia. Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ của ngành giáo dục huyện đã được chú trọng, chất lượng đội ngũ không ngừng được nâng lên, tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn hàng năm đều tăng. Chất lượng công tác học sinh giỏi, chất lượng giáo dục toàn diện, kết quả thi vào lớp 10 THPT hàng năm đều có sự tiến bộ vượt bậc, vươn lên vị trí dẫn đầu khối huyện. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đều đạt ở mức độ cao nhất. Nhiều cuộc vận động, nhiều phong trào thi đua do ngành giáo dục phát động được triển khai sâu rộng, có hiệu quả. Công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ngày càng chặt chẽ, hiệu quả hơn, kỉ cương, nề nếp trong trường học có nhiều tiến bộ. Trên cơ sở quy hoạch khu vực đô thị

¹ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 231, 233

An Dương, thành phố Hải Phòng; quy hoạch phát triển giáo dục - đào tạo thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, cùng với nhiệm vụ, chương trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cần sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện để giáo dục và đào tạo An Dương vươn lên, tiên phong và đi đầu về đổi mới giáo dục - đào tạo.

Với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa khi “chuyển đổi huyện An Dương thành đơn vị hành chính quận trước năm 2025” đặt ra nhiều vấn đề mới cần giải quyết như: sự phát triển dân số cơ học, nhu cầu học tập của học sinh, nhu cầu về lao động, việc làm gia tăng, yêu cầu ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong tình hình mới. Với mục tiêu xây dựng hệ thống trường học thực hiện mô hình điểm, đi đầu trong thực hiện đổi mới chương trình, phương pháp dạy học, đổi mới, đánh giá, thực hiện tốt mục tiêu hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh; việc đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của huyện cũng như của thành phố Hải Phòng là một yêu cầu cấp thiết, qua đó tạo nền tảng cho đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của huyện. Đề án phát triển giáo dục mầm non và phổ thông huyện An Dương đến năm 2030 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm phấn đấu xây dựng huyện An Dương trở thành trọng điểm phát triển giáo dục, là “hạt nhân” về giáo dục của thành phố.

Phần thứ hai
THỰC TRẠNG GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG
HUYỆN AN DƯƠNG

I. TÌNH HÌNH CHUNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN

1. Quy mô trường, lớp, học sinh

Quy mô mạng lưới trường, lớp các cấp học, bậc học ngày càng ổn định và phát triển từng bước đáp ứng với nhu cầu và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện với tổng số 61 trường: 24 trường mầm non (17 trường công lập, 07 trường tư thục), 17 trường tiểu học, 16 trường trung học cơ sở, 04 trường trung phổ thông (THPT: An Dương, Nguyễn Trãi, An Hải, Tân An); 01 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên và 32 cơ sở giáo dục mầm non độc lập tư thục.

Năm học 2023-2024, quy mô toàn huyện gồm 52.802 học sinh/1.423 lớp; trong đó: Bậc mầm non, tiểu học và trung học cơ sở 45.409 học sinh/1.257 lớp; cụ thể: Bậc mầm non: 12.262 trẻ/418 lớp (nhà trẻ: 2.014 trẻ/91 lớp, tỷ lệ huy động đạt 35%; mẫu giáo: 10.248 trẻ/327 lớp, tỷ lệ huy động đạt 99,98%), cấp tiểu học: 18.350 học sinh/488 lớp và cấp trung học cơ sở: 14.797 học sinh/351 lớp; cấp Trung học phổ thông có 6.964 học sinh/156 lớp; Trung tâm GDNN&GDTX có 429 học sinh/ 10 lớp.

Hệ thống giáo dục ngoài công lập phát triển nhanh về số lượng, gồm 09 trường (02 trường THPT: An Hải, Tân An, 07 trường mầm non: Sao Mai, Sao Sáng, Sao Mai 2, Kim Đồng, Baby Star, Bé Thông Minh, Đôrêmon) và 32 cơ sở giáo dục mầm non độc lập tư thục với tổng số 4.492 học sinh/158 lớp, trong đó: 02 trường THPT (An Hải, Tân An) có 1.996 học sinh/45 lớp, 07 trường mầm non có 1.328 trẻ/47 lớp (nhà trẻ: 272 trẻ/11 lớp; mẫu giáo: 1.056 trẻ/36 lớp) và 32 cơ sở giáo dục mầm non độc lập tư thục có 1.168 trẻ/66 lớp (nhà trẻ: 573 trẻ/34 lớp; mẫu giáo: 595 trẻ/32 lớp).

So với năm học 2019-2020, tăng 5.560 học sinh và 144 lớp (mầm non tăng 20 lớp, tiểu học tăng 25 lớp, THCS tăng 79 lớp, THPT tăng 20 lớp); tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ tăng 3,0%, mẫu giáo tăng 2,0%.

2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

Tổng đội ngũ bậc mầm non, tiểu học và trung học cơ sở là: 2.014 người, trong đó hiện có 1.961 viên chức (mầm non: 653, tiểu học: 731, THCS: 577); cụ thể: cán bộ quản lý: 126 người (mầm non: 52, tiểu học: 42 và THCS: 32); 1.807 giáo viên, mầm non 608 giáo viên (biên chế: 598, HĐ: 10); tiểu học: 673 giáo viên (biên chế: 633, HĐ: 40); THCS 526 giáo viên (biên chế: 502, HĐ: 24); 81 nhân viên, cụ thể mầm non: 27 nhân viên hợp đồng (17 kế toán và 10 thủ quỹ), tiểu học: 21 nhân viên (18 biên chế và 03 hợp đồng), THCS: 33 nhân viên (25

biên chế và 08 hợp đồng). Số lao động gồm 128 hợp đồng bảo vệ (mầm non: 69, tiểu học: 37, THCS: 22) và 170 nhân viên nấu ăn.

Tổng đội ngũ cấp trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên là 347 người, trong đó 15 cán bộ quản lý, 293 giáo viên (biên chế: 208, hợp đồng: 85) và 39 nhân viên.

Các trường ngoài công lập (mầm non và THPT) hiện có 18 cán bộ quản lý (mầm non: 12, THPT: 06) và 145 giáo viên (mầm non: 78, THPT: 76) và 43 nhân viên (mầm non: 25, THPT: 18)

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên cơ bản chuẩn hóa về trình độ đào tạo, có bản lĩnh nghề nghiệp, tận tâm với nghề, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo. Tỷ lệ đạt chuẩn được đào tạo theo Luật Giáo dục 2019: cấp THPT là 100%, trên chuẩn (thạc sĩ) đạt 6,2%; cấp THCS là 95,1%, trên chuẩn (thạc sĩ) đạt 6,7%; cấp tiểu học là 78,2%, trên chuẩn (thạc sĩ) đạt 3,37%; bậc mầm non là 97,5 %, trong đó 93,2% giáo viên có trình độ đại học, 05 giáo viên có trình độ thạc sĩ.

Trong 5 năm, huyện đã tuyển dụng 05 đợt với 576 viên chức (mầm non: 119, tiểu học: 265, THCS: 189, TT GDNN&GDTX: 03); kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2023 là 120 người, trong đó giáo viên mầm non: 53, tiểu học: 30, THCS: 17 và 20 nhân viên kế toán (mầm non: 12, tiểu học: 03, THCS: 05). Năm 2023, có 12 giáo viên chuyển công tác (mầm non: 01, tiểu học: 07, THCS: 03, GDNN&GDTX: 01), tiếp nhận 09 giáo viên về công tác tại huyện (mầm non: 03, tiểu học: 04, THCS: 02), luân chuyển nội bộ trong huyện 06 giáo viên (mầm non: 02, tiểu học: 03, THCS: 01).

3. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia

Cơ sở vật chất thiết bị dạy học được đầu tư xây dựng, cải tạo, bổ sung theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tỷ lệ phòng học trên lớp hiện nay: bậc mầm non 1,0 phòng /lớp, tiểu học và THCS: 0,93 phòng /lớp, THPT: 0,73 phòng/lớp. Ngân sách đầu tư cho giáo dục tăng hàng năm chiếm gần 40% ngân sách huyện: tổng mức đầu tư cho giáo dục từ đầu nhiệm kỳ đến nay là hơn 288 tỷ với 42 công trình được bố trí vốn, đầu tư công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia là 310,6 tỷ với 37 dự án, công trình được bố trí vốn, toàn huyện mở rộng thêm 40.743 m² đất cho giáo dục, bố trí xây dựng mới 10 nhà đa năng đạt tiêu chuẩn tại các trường học, trong 03 năm học toàn huyện vận động tài trợ được 36,33 tỷ đồng; đầu tư trung hạn 05 năm 2021-2025 đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 55 dự án triển khai mới và nông thôn mới với tổng mức đầu tư là 643,059 tỷ đồng, trong

đó nguồn ngân sách thành phố phân bổ cho các chương trình, dự án là 37,435 tỷ đồng, ngân sách huyện là 605,624 tỷ đồng.

Đến tháng 9/2023, tổng số trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện là 50/50 đạt 100% các trường mầm non công lập, tiểu học và trung học cơ sở, trong đó có 03 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (mầm non An Hòa, mầm non Hồng Thái, tiểu học An Hồng). Huyện An Dương là đơn vị đầu tiên của thành phố Hải Phòng 100% các trường học công lập đạt chuẩn quốc gia, sớm trước 02 năm so với chỉ tiêu tại Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện An Dương lần thứ 18 nhiệm kỳ 2020-2025². Đối với các trường trung học phổ thông, có 03/4 trường đạt chuẩn quốc gia đạt 75%, trong đó 02 trường THPT công lập (THPT Nguyễn Trãi đạt chuẩn quốc gia năm 2003, THPT An Dương đạt chuẩn quốc gia năm 2015), THPT An Hải đạt chuẩn quốc gia năm 2018, là trường THPT ngoài công lập đầu tiên của thành phố đạt chuẩn quốc gia.

4. Chất lượng giáo dục và đào tạo

4.1 Giáo dục mầm non

- Kết quả đánh giá chung sự phát triển của trẻ theo 5 lĩnh vực đạt 99%, cao hơn tỉ lệ chung của thành phố.

- Tỉ lệ trẻ kênh phát triển bình thường về cân nặng đạt 95%, về chiều cao đạt 98,5%.

- Tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng, cụ thể: Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đạt 1,1%, thấp còi đạt 1,5%, tiếp tục giảm so với năm học trước, luôn vượt chỉ tiêu chung của thành phố.

- 100% các trường mầm non đạt tiêu chuẩn trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích.

- Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt 35%, mẫu giáo đạt 99,98%, trẻ 5 tuổi đạt 105,34%. Huyện đạt chuẩn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Ứng dụng giáo dục mầm non tiên tiến trong thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non: 19/24 trường mầm non ứng dụng giáo dục STEM, 15/24 trường mầm non ứng dụng giáo dục Montessori; 40,8% trẻ mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh; 99% trẻ trẻ đạt mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi theo Chương trình

² Trước năm 2019, toàn huyện có 31/50 trường đạt 62% số trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia, chưa có trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Đến tháng 01/2021, xây dựng thêm 11 trường đạt chuẩn quốc gia nâng số trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện là 41/50 trường đạt 82% số trường mầm non công lập, tiểu học và THCS (mầm non có 12/17 trường, tiểu học có 15/17 trường, THCS có 14/16 trường) đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 01 trường (tiểu học An Hồng) đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Đến tháng 9/2023, xây dựng thêm 09 trường đạt chuẩn quốc gia nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện là 50/50 đạt 100% các trường mầm non công lập, tiểu học và trung học cơ sở

Giáo dục mầm non.

4.2 Giáo dục tiểu học

- Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục tiểu học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: hoàn thành xuất sắc 58,51%, hoàn thành tốt 24,16%; Tỷ lệ học sinh tiểu học được đánh giá về học tập ở mức Tốt và Hoàn thành đạt 99,9%; về năng lực, về phẩm chất được đánh giá ở mức Tốt và Đạt: 99,9%. Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%, Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,83%; tỷ lệ hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%. Cao hơn tỉ lệ chung của thành phố.

- 100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày; 100% các trường đều dạy ngoại ngữ và Tin học; Tỷ lệ học sinh học ngoại ngữ đạt 100%, Tin học đạt 55,9%; 03 trường thí điểm tổ chức dạy học ngoại ngữ 1 đối với tiếng Hàn (tiểu học Hồng Phong, An Hòa, An Dương). Huyện An Dương đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

4.3 Giáo dục trung học cơ sở

- Kết quả đánh giá về học tập của học sinh xếp thứ 6/14 quận, huyện; trong đó đánh giá kết quả học tập của học sinh THCS theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tốt: 39,46%, Khá 37,93% (*cao hơn yêu cầu chung của thành phố*). Tỷ lệ huy động trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 100%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%; 100% học sinh học Ngoại ngữ và Tin học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, có 03 trường thí điểm tổ chức dạy học ngoại ngữ 1 đối với tiếng Hàn (THCS Hồng Phong, An Hòa, An Dương). Huyện An Dương duy trì và giữ vững đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

- Tỷ lệ học sinh đăng ký dự thi vào lớp 10 THPT công lập đạt 69,09%; tỷ lệ đỗ vào lớp 10 THPT công lập đạt 77,77% trên số học sinh dự thi; điểm trung bình thi vào lớp 10 THPT đạt 6,66 điểm, xếp thứ 06/14 quận, huyện; môn Ngữ văn: 7,39 điểm, môn tiếng Anh: 6,34 điểm xếp thứ 07/14 quận/huyện; môn Toán: 6,29 điểm xếp thứ 6/14 quận/huyện; hàng năm có từ 10 đến 15 học sinh đỗ vào THPT chuyên Trần Phú; huyện An Dương đứng đầu khối huyện về điểm trung bình thi vào với 10 THPT³.

- Chất lượng giáo dục mũi nhọn: huyện An Dương nằm trong tốp đầu thành phố về thi khoa học kỹ thuật, sáng tạo robot, thể dục thể thao, xếp thứ 9/14 quận huyện về chất lượng học sinh giỏi các môn văn hóa cấp thành phố⁴.

³ Thứ hạng điểm trung bình thi vào lớp 10 THPT các trường THCS so với thành phố: An Dương 35, Nam Sơn 52, Bắc Sơn 53, Đặng Cương 54, An Hồng 57, An Hưng 59, Đồng Thái 71, Hồng Phong 87, Tân Tiến 96, Hồng Thái 99, Lê Thiện 101, Lê Lợi 107, An Đồng 134, Đại Bản 145, Quốc Tuấn 149, An Hòa 153.

⁴ Năm học 2022-2023, đạt 03 huy chương (02 Vàng, 01 Đồng) tại Giải thể thao học sinh toàn quốc năm 2023 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; tại các cuộc thi học sinh giỏi do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức cấp trung học cơ sở đạt 71 giải cấp thành phố, trong đó 02 giải Nhất, 14 giải Nhì, 20 giải Ba, 35 giải Khuyến khích; thi học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9 (xếp thứ 9 thành

4.4 Giáo dục Trung học phổ thông và dạy nghề

- 90% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục THPT và tương đương.

- 100% học viên được đào tạo nghề tại các trường nghề trên địa bàn huyện đạt chuẩn kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT: 1.740/1.741 đạt 99,94% (THPT An Dương: 585/585 đạt 100%, Nguyễn Trãi: 577/577 đạt 100%, An Hải: 405/406 đạt 99,75%, Tân An: 173/173 đạt 100%), tốt nghiệp bổ túc THPT (TT GDNN&GDTX): 116/119 đạt 97,48%; tại Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, điểm trung bình trường THPT An Dương: 7,377 điểm xếp thứ 15/123 thành phố; THPT Nguyễn Trãi: 7,204 điểm xếp thứ 21/123 thành phố, THPT An Hải: 6,519 điểm xếp thứ 44/123 thành phố, THPT Tân An: 5,993 điểm xếp thứ 57/123 thành phố; Trung tâm GDNN&GDTX: 5,247 điểm xếp thứ 4/15 thành phố (sau TT GDNN&GDTX Hải Phòng, Dương Kinh, Thủy Nguyên); chất lượng giáo dục mũi nhọn tăng hàng năm⁵.

II. THỰC TRẠNG CÁC ĐƠN VỊ TRONG ĐỀ ÁN SẮP XẾP, SÁP NHẬP ĐỂ THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH PHƯỜNG

1. Đơn vị Đặng Cương + Quốc Tuấn (sau khi sáp nhập xã Đặng Cương và xã Quốc Tuấn)

Xã Đặng Cương có diện tích 5,09 km², 2.999 hộ dân với dân số 9.097 người và hơn 300 người lưu trú; trên địa bàn xã đang hoàn thiện dự án Khu nhà ở thương mại tại xã Đặng Cương với diện tích 5,17ha gồm 244 căn nhà ở thương mại phục vụ nhu cầu ở của 1.220 người.

Xã Quốc Tuấn có diện tích 7,01 km², 2.673 hộ dân với dân số 8.417 người và gần 200 người lưu trú.

Sau khi sáp nhập đơn vị xã Đặng Cương, Quốc Tuấn thành lập đơn vị phường mới có diện tích 12,1 km², dân số 17.815 người, trong đó hơn 500 người lưu trú; đến năm 2025, trên địa bàn có 01 Khu nhà ở thương mại tại với diện tích 5,17ha gồm 244 căn nhà ở thương mại.

1.1. Bậc mầm non

- Trường mầm non Đặng Cương: Quy mô năm học 2023-2024 gồm 01

phổ, sau: Lê Chân, Thủy Nguyên, Ngô Quyền, Hải An, Hồng Bàng, Vĩnh Bảo, Kiến An, Tiên Lãng), Toán và KHTN bằng tiếng Anh, Khoa học kỹ thuật (xếp thứ 3 thành phố sau: Thủy Nguyên, Lê Chân), sáng tạo Robot (xếp thứ 3 thành phố, sau Hải An, Thủy Nguyên). Tại Hội khỏe Phù đổng thành phố lần thứ XVII năm học 2023-2024, huyện An Dương đạt 10 huy chương Vàng, 14 huy chương Bạc, 23 huy chương Đồng xếp thứ 05/14 quận huyện (sau Lê Chân, Ngô Quyền, Hồng Bàng, Thủy Nguyên).

⁵ Năm học 2022-2023 cấp THPT có 01 học sinh đạt giải Nhì môn Lịch sử tại Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia năm 2023 (trường THPT Nguyễn Trãi); đạt 194 giải học sinh giỏi trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp thành phố, trong đó THPT An Dương đạt 102 giải (09 giải Nhất, 23 giải Nhì, 43 giải Ba, 27 giải KK); THPT Nguyễn Trãi đạt 72 giải (08 giải Nhất, 19 giải Nhì, 20 giải Ba, 25 giải KK); THPT An Hải: 08 giải (01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba, 04 giải KK), THPT Tân An: 03 giải (02 giải Ba, 01 giải KK), TT GDNN&GDTX đạt 09 giải (01 giải Nhì, 06 giải Ba, 02 giải KK).

điểm trường, 521 trẻ/19 lớp (nhà trẻ: 65 trẻ/3 lớp, mẫu giáo: 456 trẻ/16 lớp). Đội ngũ: 03 CBQL, 33 giáo viên biên chế, 02 nhân viên (01 Kế toán, 01 văn thư, thủ quỹ); 10 nhân viên nấu ăn). Cơ sở vật chất: diện tích diện tích 5.422 m² (TB 10,8 m²/HS), gồm 18 phòng học, 05 phòng hành chính, quản trị.

- Trường mầm non Quốc Tuấn: Quy mô năm học 2023-2024 gồm 02 điểm trường, 420 trẻ/16 lớp học sinh (nhà trẻ: 73 trẻ/4 lớp, mẫu giáo: 415 trẻ/13 lớp). Đội ngũ: 03 CBQL, 34 giáo viên biên chế, 01 nhân viên (Kế toán); 09 nhân viên nấu ăn). Cơ sở vật chất: diện tích diện tích 7.037 m² (TB 14,8 m²/HS), gồm 17 phòng học, 09 phòng hành chính, quản trị.

*** Khi sắp xếp, sáp nhập để thành lập đơn vị hành chính phường:**

Đối với trường mầm non Đặng Cương - Quốc Tuấn trong trường hợp sáp nhập có quy mô 03 điểm trường, **941 trẻ/35 lớp**, vượt quá số lớp quy định tại Mục 2, Điều 5 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Trường mầm non có quy mô tối thiểu 09 nhóm, lớp và tối đa 20 nhóm, lớp.

1.2. Cấp Tiểu học

- Trường tiểu học Đặng Cương: Quy mô năm học 2023-2024 gồm 920 học sinh/25 lớp; đội ngũ gồm 02 CBQL, 40 giáo viên (01 giáo viên Tổng phụ trách) và 01 nhân viên (kế toán). Cơ sở vật chất: diện tích diện tích 8.501 m² (TB 8,5 m²/HS), gồm 25 phòng học, 05 phòng hành chính, quản trị, 02 phòng bộ môn.

- Trường tiểu học Quốc Tuấn: Quy mô năm học 2023-2024 gồm 543 học sinh/16 lớp; đội ngũ gồm 02 CBQL, 27 giáo viên (01 giáo viên Tổng phụ trách) và 01 nhân viên (kế toán). Cơ sở vật chất: diện tích diện tích 11.093 m² (TB 11,05 m²/HS), gồm 17 phòng học, 08 phòng hành chính, quản trị, 06 phòng bộ môn (Âm nhạc, Mĩ thuật, Khoa học - Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, đa chức năng); 04 phòng hỗ trợ học tập (thư viện, thiết bị, truyền thống, tư vấn tâm lí học đường).

*** Khi sắp xếp, sáp nhập để thành lập đơn vị hành chính phường:**

Đối với trường tiểu học Đặng Cương - Quốc Tuấn trong trường hợp sáp nhập có quy mô gồm 02 điểm trường, **1.463 học sinh/41 lớp**, vượt quá số lớp quy định tại Mục 2, Điều 9 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Trường tiểu học có quy mô tối thiểu 10 lớp và tối đa 30 lớp.

1.3. Cấp trung học cơ sở

- Trường THCS Đặng Cương: Quy mô năm học 2023-2024 gồm 691 học sinh/17 lớp; đội ngũ gồm 02 CBQL, 28 giáo viên (chưa có biên chế giáo viên Tổng phụ trách) và 01 nhân viên (thiết bị, thí nghiệm). Cơ sở vật chất: diện tích

diện tích 6.100 m² (TB 9,8 m²/HS), gồm 17 phòng học, 08 phòng hành chính, quản trị, 06 phòng bộ môn (Âm nhạc, Mĩ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ, đa chức năng); 04 phòng hỗ trợ học tập (thư viện, thiết bị, truyền thông, tư vấn tâm lí học đường).

- Trường THCS Quốc Tuấn: Quy mô năm học 2023-2024 gồm 561 học sinh/15 lớp; đội ngũ gồm 02 CBQL, 24 giáo viên (01 biên chế giáo viên Tổng phụ trách) và 02 nhân viên (thiết bị, thí nghiệm và kế toán). Cơ sở vật chất: diện tích 11.300m² (TB 21,4 m²/HS), gồm 15 phòng học, 06 phòng hành chính, quản trị, 02 phòng bộ môn (Khoa học tự nhiên, Tin học); 04 phòng hỗ trợ học tập (thư viện, thiết bị, truyền thông, tư vấn tâm lí học đường).

*** Khi sắp xếp, sáp nhập để thành lập đơn vị hành chính phường:**

- Hiện nay, trường THCS Đặng Cương và THCS Quốc Tuấn **đảm bảo quy mô từ 15 lớp trở lên**, không trong diện sáp nhập theo Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 11/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Trong trường hợp sáp nhập, đối với trường THCS Đặng Cương - Quốc Tuấn có quy mô gồm 02 điểm trường, **1.252 học sinh/32 lớp**, đảm bảo số lớp quy định tại Mục 2, Điều 13 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Trường trung học cơ sở có quy mô tối thiểu 08 lớp và tối đa 45 lớp. Tuy nhiên đến năm 2025, khi dự án Khu nhà ở thương mại tại xã Đặng Cương hoàn thiện, dự kiến số lớp tại trường THCS Đặng Cương tăng đột biến lên từ 25 lớp, nếu sáp nhập có khả năng tăng 45 lớp.

*** Phương án sau khi sắp xếp, sáp nhập để thành lập đơn vị hành chính phường đối với đơn vị Đặng Cương - Quốc Tuấn:** Giữ nguyên các đơn vị trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở như hiện tại (*không thực hiện sáp nhập đối với đơn vị trường học*) đảm bảo quy mô số lớp theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đơn vị Nam Sơn + Bắc Sơn (sau khi sáp nhập từ xã Nam Sơn và khu vực 2 xã Bắc Sơn)

Xã Nam Sơn có diện tích 4,17 km², 3.551 hộ dân với dân số 12.336 người và hơn 850 người lưu trú;

Khu vực 2 xã Bắc Sơn (phần sáp nhập) có diện tích 3,275 km², 2.840 hộ dân với dân số 9.646 người và gần 900 người lưu trú.

Trên địa bàn 02 xã đang dự kiến triển khai Khu đô thị phức hợp sinh thái, giải trí, thể thao, du lịch và nghỉ dưỡng tại xã Bắc Sơn và xã Nam Sơn (Công ty CP tập đoàn địa ốc Việt Nam-Singapore tài trợ quy hoạch) với diện tích 38 ha gồm 500 căn nhà thương mại và 896 căn hộ nhà ở xã hội.

Sau khi sáp nhập đơn vị xã Nam Sơn, KV2 xã Bắc Sơn thành lập đơn vị phường mới có diện tích 7,445 km², dân số 16.890 người, trong đó hơn 1.750

người lưu trú; đến năm 2025, trên địa bàn có Khu đô thị phức hợp sinh thái, giải trí, thể thao, du lịch và nghỉ dưỡng với diện tích 38 ha gồm 500 căn nhà thương mại và 896 căn hộ nhà ở xã hội.

2.1. Bậc mầm non

- Trường mầm non Nam Sơn: quy mô năm học 2023-2024 gồm 558 trẻ/16 lớp (nhà trẻ: 59 trẻ/02 lớp, mẫu giáo: 499 trẻ/14 lớp); Đội ngũ: 03 CBQL, 32 giáo viên biên chế, 02 nhân viên (01 Kế toán, 01 văn thư, thủ quỹ); 07 nhân viên nấu ăn. Cơ sở vật chất: diện tích diện tích 3.983 m² (TB 7,2 m²/HS), gồm 16 phòng học, 07 phòng hành chính, quản trị.

- Trường mầm non Bắc Sơn: quy mô năm học 2023-2024 gồm 499 trẻ/15 lớp (nhà trẻ: 53 trẻ/02 lớp, mẫu giáo: 446 trẻ/13 lớp); Đội ngũ: 03 CBQL, 30 giáo viên biên chế, 01 nhân viên kế toán (hợp đồng); 09 nhân viên nấu ăn. Cơ sở vật chất: diện tích diện tích 3.692 m² (8,0 m²/HS), gồm 15 phòng học, 05 phòng hành chính, quản trị, 04 phòng phụ trợ (thư viện, tiếng Anh, nghệ thuật, công đoàn).

*** Khi sắp xếp, sáp nhập để thành lập đơn vị hành chính phường:**

Trong trường hợp sáp nhập, sau khi sáp nhập trường đối với trường mầm non Nam Sơn - Bắc Sơn có quy mô 02 điểm trường với **1.057 trẻ/31 lớp**; vượt quá số lớp quy định tại Mục 2, Điều 5 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Trường mầm non có quy mô tối thiểu 09 nhóm, lớp và tối đa 20 nhóm, lớp.

2.2. Cấp Tiểu học

- Trường tiểu học Nam Sơn: quy mô năm học 2023-2024 gồm 1.281 học sinh/34 lớp; đội ngũ gồm 03 CBQL, 38 giáo viên (01 giáo viên Tổng phụ trách) và 02 nhân viên biên chế (01 kế toán, 01 VT-TB). Cơ sở vật chất: diện tích diện tích 5.932 m² (TB 4,44 m²/HS), gồm 27 phòng học, 03 phòng hành chính, quản trị, 02 phòng hỗ trợ học tập (thư viện, đoàn đội).

- Trường tiểu học Bắc Sơn: quy mô năm học 2023-2024 gồm 810 học sinh/23 lớp; đội ngũ gồm 02 CBQL, 34 giáo viên (01 giáo viên Tổng phụ trách) và 01 nhân viên kế toán (biên chế). Cơ sở vật chất: diện tích diện tích 7.500 m² (TB 8,3 m²/HS), gồm 23 phòng học, 04 phòng hành chính, quản trị, 01 phòng bộ môn (Tin học), 03 phòng hỗ trợ học tập (thư viện, thiết bị, đoàn đội).

*** Khi sắp xếp, sáp nhập để thành lập đơn vị hành chính phường:**

Trường tiểu học Nam Sơn và tiểu học Bắc Sơn *đảm bảo quy mô trên 15 lớp*, không trong diện sáp nhập theo Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 11/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Trong trường hợp sáp nhập, sau khi sáp nhập trường tiểu học Nam Sơn - Bắc Sơn quy mô gồm 02 điểm trường, **2.091 học sinh/57 lớp**; vượt quá số lớp

quy định tại Mục 2, Điều 9 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: trường tiểu học có quy mô tối thiểu 10 lớp và tối đa 30 lớp.

2.3. Cấp trung học cơ sở

- Trường THCS Nam Sơn: quy mô năm học 2023-2024 gồm 1.107 học sinh/25 lớp; đội ngũ gồm 02 CBQL, 35 giáo viên và 01 nhân viên kế toán (biên chế). Cơ sở vật chất: diện tích diện tích 6.652 m² (TB 6,8 m²/HS), gồm 25 phòng học, 04 phòng hành chính, quản trị (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Văn phòng, Kế toán), 06 phòng bộ môn (Âm nhạc, Mĩ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ); 04 phòng hỗ trợ học tập (thư viện, thiết bị, truyền thống, đoàn đội).

- Trường THCS Bắc Sơn: quy mô năm học 2023-2024 gồm 662 học sinh/17 lớp; đội ngũ gồm 02 CBQL, 24 giáo viên (01 biên chế giáo viên Tổng phụ trách) và 01 nhân viên biên chế (thiết bị) và 01 kế toán (hợp đồng). Cơ sở vật chất: diện tích diện tích 8.057 m² (TB 14 m²/HS), gồm 17 phòng học, 04 phòng hành chính, quản trị (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Văn phòng, Kế toán), 06 phòng bộ môn (Âm nhạc, Mĩ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ); 04 phòng hỗ trợ học tập (thư viện, thiết bị, truyền thống, đoàn đội).

*** Khi sắp xếp, sáp nhập để thành lập đơn vị hành chính phường:**

- Trường THCS Nam Sơn và THCS Bắc Sơn **đảm bảo quy mô trên 15 lớp**, không trong diện sáp nhập theo Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 11/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Trong trường hợp sáp nhập, sau khi sáp nhập trường THCS Nam Sơn - Bắc Sơn quy mô gồm 02 điểm trường, **1.769 học sinh/42 lớp** (dự kiến năm học 2024-2025: 1.955 học sinh/46 lớp; **vượt quá** số lớp quy định tại Mục 2, Điều 13 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Trường trung học cơ sở có quy mô tối thiểu 08 lớp và tối đa 45 lớp.

- Sau khi dự án Khu đô thị phức hợp sinh thái, giải trí, thể thao, du lịch và nghỉ dưỡng tại xã Bắc Sơn và xã Nam Sơn được triển khai số học sinh trên địa bàn xã Nam Sơn và KV2 xã Bắc Sơn có thể tăng đột biến.

*** Phương án sau khi sắp xếp, sáp nhập để thành lập đơn vị hành chính phường đối với đơn vị Nam Sơn - Bắc Sơn:** Giữ nguyên các đơn vị trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở như hiện tại (*không thực hiện sáp nhập đối với đơn vị trường học*) đảm bảo quy mô số lớp theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Đơn vị An Dương + Lê Lợi (sau khi sáp nhập từ thị trấn An Dương và xã Lê Lợi)

Xã Lê Lợi có diện tích 5,51 km², 2.299 hộ dân với dân số 7.219 người và hơn 200 người lưu trú; trên địa bàn xã đang triển khai dự án Khu nhà ở xã hội thuộc dự án khu đô thị - dịch vụ thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ với diện tích 42 ha gồm 2.538 căn hộ nhà ở xã hội và 715 căn nhà ở thương mại.

Thị trấn An Dương có diện tích 2,06 km², 2.618 hộ dân với dân số 11.192 người và hơn 600 người lưu trú. Trên địa bàn thị trấn đang hoàn thiện thủ tục đầu tư 02 dự án: Dự án nhà ở xã hội tại khu Đồng Giới với diện tích 56 ha gồm 3.350 căn hộ nhà ở xã hội và 452 căn nhà ở thương mại và Dự án Khu dân cư An Dương với diện tích 9,94 ha gồm 423 căn nhà ở thương mại

Sau khi sáp nhập đơn vị xã Lê Lợi, thị trấn An Dương thành lập đơn vị phường mới có diện tích 7,57 km², dân số 17.810 người, trong đó hơn 800 người lưu trú; đến năm 2025, trên địa bàn có 02 dự án nhà ở xã hội và khu dân cư với diện tích 65,94 ha gồm 2.538 căn hộ nhà ở xã hội và 1.138 căn nhà ở thương mại

3.1. Bậc mầm non

- Trường mầm non An Dương: quy mô năm học 2023-2024 gồm 512 trẻ/14 lớp (nhà trẻ: 73 trẻ/02 lớp, mẫu giáo: 439 trẻ/12 lớp); đội ngũ: 03 CBQL, 32 giáo viên biên chế, 02 nhân viên hợp đồng (kế toán, TV-TQ); 10 nhân viên nấu ăn. Cơ sở vật chất: diện tích diện tích 4.860 m² (TB 9,65 m²/HS), gồm 14 phòng học, 04 phòng hành chính, quản trị; 02 phòng hỗ trợ học tập (Âm nhạc, Hội trường).

- Trường mầm non Lê Lợi: quy mô năm học 2023-2024 gồm 428 trẻ/14 lớp (nhà trẻ: 75 trẻ/03 lớp, mẫu giáo: 353 trẻ/11 lớp); đội ngũ: 03 CBQL, 27 giáo viên biên chế, 01 nhân viên hợp đồng (kế toán); 07 nhân viên nấu ăn. Cơ sở vật chất: diện tích diện tích 4.081,5 m² (TB 10 m²/HS), gồm 14 phòng học, 04 phòng hành chính, quản trị.

*** Khi sắp xếp, sáp nhập để thành lập đơn vị hành chính phường:**

Trong trường hợp sáp nhập, sau khi sáp nhập trường đối với trường mầm non An Dương - Lê Lợi có quy mô 02 điểm trường, **940 trẻ/28 lớp**; vượt quá số lớp quy định tại Mục 2, Điều 5 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Trường mầm non có quy mô tối thiểu 09 nhóm, lớp và tối đa 20 nhóm, lớp.

3.2. Cấp Tiểu học

- Trường tiểu học An Dương: quy mô năm học 2023-2024 gồm 1.285 học sinh/26 lớp; đội ngũ gồm 03 CBQL, 38 giáo viên (01 giáo viên Tổng phụ trách) và 02 nhân viên biên chế (01 kế toán, 01 VT-TB). Cơ sở vật chất: diện tích diện tích 6.879 m² (TB 5,19 m²/HS), gồm 24 phòng học, 04 phòng hành chính, quản trị, 04 phòng hỗ trợ học tập (thư viện, thiết bị, truyền thống).

- Trường tiểu học Lê Lợi: quy mô năm học 2023-2024 gồm 593 trẻ/18 lớp; đội ngũ gồm 02 CBQL, 25 giáo viên. Cơ sở vật chất: diện tích diện tích 5.940 m² (TB 9,1 m²/HS), gồm 18 phòng học, 05 phòng hành chính, quản trị, 04 phòng hỗ trợ học tập (thư viện, truyền thông, đoàn đội, y tế).

*** Khi sắp xếp, sáp nhập để thành lập đơn vị hành chính phường:**

- Trường tiểu học An Dương và tiểu học Lê Lợi đảm bảo quy mô trên 15 lớp, không trong diện sáp nhập theo Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 11/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Trong trường hợp sáp nhập, sau khi sáp nhập trường tiểu học An Dương - Lê Lợi quy mô gồm 02 điểm trường, **1.878 học sinh/44 lớp**; vượt quá số lớp quy định tại Mục 2, Điều 9 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: trường tiểu học có quy mô tối thiểu 10 lớp và tối đa 30 lớp.

3.3. Cấp trung học cơ sở

- Trường THCS An Dương: quy mô năm học 2023-2024 gồm 1.276 học sinh/29 lớp, dự kiến năm học 2024-2025: 1.440 học sinh/32 lớp; đội ngũ gồm 02 CBQL, 41 giáo viên (01 giáo viên Tổng phụ trách) và 01 nhân viên kế toán (biên chế). Cơ sở vật chất: diện tích diện tích 7.750 m² (TB 7,03 m²/HS), gồm 29 phòng học, 04 phòng hành chính, quản trị (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Văn phòng, Kế toán), 05 phòng bộ môn (Âm nhạc, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ); 04 phòng hỗ trợ học tập (thư viện, thiết bị, truyền thông, đoàn đội).

- Trường THCS Lê Lợi: quy mô năm học 2023-2024 gồm 465 học sinh/13 lớp; dự kiến năm học 2024-2025: 560 học sinh/15 lớp; đội ngũ gồm 02 CBQL, 19 giáo viên (01 biên chế giáo viên Tổng phụ trách). Cơ sở vật chất: diện tích diện tích 6.140 m² (TB 15,4 m²/HS), gồm 13 phòng học, 04 phòng hành chính, quản trị (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Văn phòng, Kế toán), 05 phòng bộ môn (Âm nhạc, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ); 04 phòng hỗ trợ học tập (thư viện, thiết bị, truyền thông, đoàn đội).

*** Khi sắp xếp, sáp nhập để thành lập đơn vị hành chính phường:**

- Theo Văn bản số 3023/UBND-KSTTHC ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về phương án sắp xếp đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo gắn với Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025, trường THCS Lê Lợi thuộc đối tượng sắp xếp theo Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 11/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố, thực hiện sắp xếp sau khi Bộ Nội vụ có văn bản thống nhất đối với Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thành phố Hải Phòng giai đoạn 2023-2025.

- Trong trường hợp sáp nhập, sau khi sáp nhập trường THCS An Dương - Lê Lợi quy mô gồm 02 điểm trường, **1.741 học sinh/42 lớp** (dự kiến năm học 2024-2025: 2.000 học sinh/47 lớp); *năm học 2023-2024 đảm bảo số lớp (năm học 2024-2025 vượt quá)* quy định tại Mục 2, Điều 13 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Trường trung học cơ sở có quy mô tối thiểu 08 lớp và tối đa 45 lớp.

- Sau khi 03 dự án: Khu nhà ở xã hội thuộc dự án khu đô thị - dịch vụ thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duê, Dự án nhà ở xã hội tại khu Đồng Giới và Dự án Khu dân cư An Dương được hoàn thiện, dự kiến số học sinh trên địa bàn sẽ tăng đột biến.

*** Phương án sau khi sắp xếp, sáp nhập để thành lập đơn vị hành chính phường đối với đơn vị An Dương - Lê Lợi:** Giữ nguyên các đơn vị trường bậc mầm non và tiểu học như hiện tại (không thực hiện sáp nhập) đảm bảo quy mô số lớp theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; không sáp nhập trường trung học cơ sở theo Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 11/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố để đảm bảo năm học 2024-2025 các trường trung học cơ sở đảm bảo quy mô số lớp theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đảm bảo dự báo tăng số lớp khi các dự án nhà ở tại địa bàn hoàn thiện; xây dựng phương án trên địa bàn phường sau khi sáp nhập có 02 trường THCS: 01 trường THCS đảm bảo công tác giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn, 01 trường THCS phục vụ đối tượng học sinh trường học trọng điểm chất lượng cao của huyện.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những thuận lợi

- Ngành Giáo dục và Đào tạo huyện An Dương luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của thành phố; sự hỗ trợ của các sở, ban, ngành, đoàn thể; sự tham gia đóng góp của các tổ chức trong và ngoài huyện; sự đồng thuận, đóng góp của nhân dân. Cùng với đó, những thành quả phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân được cải thiện và hội nhập quốc tế trong thời kỳ đổi mới đã tạo môi trường thuận lợi cho phát triển giáo dục; đầu tư cho giáo dục trong tổng chi ngân sách của huyện liên tục tăng qua các năm nhất là những năm gần đây.

- Lòng yêu nghề, ý thức trách nhiệm, sự nỗ lực của đội ngũ nhà giáo và quyết tâm đổi mới của ngành giáo dục đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục. Các thế hệ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục công tác ở mọi địa bàn trong huyện đóng góp công sức to lớn cho sự nghiệp trồng người.

- Quy mô giáo dục và mạng lưới cơ sở giáo dục được phát triển, cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng cao được mở rộng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của người dân, nhất là trẻ mầm non và trên địa bàn các cụm, khu công nghiệp. Cơ sở vật chất, các công trình phụ trợ được sửa chữa, nâng cấp và xây mới. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đầu tư theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, hệ thống thư viện, tin học, ngoại ngữ trong các nhà trường được quan tâm đáp ứng đầy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.

- Các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở được phủ kín trên 16 xã, thị trấn; đảm bảo mỗi xã có ít nhất 01 trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở. Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia có nhiều đột phá, là đơn vị đầu tiên của thành phố có 100% các trường công lập đạt chuẩn quốc gia, có 03 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (mầm non: An Hòa, Hồng Thái; tiểu học An Hồng), nhiều trường học được đầu tư đầy đủ các hạng mục theo chuẩn, cảnh quan xanh - sạch - đẹp.

- Chất lượng giáo dục toàn diện và mũi nhọn tăng hàng năm được xếp ở top đầu khối huyện; các chỉ số về chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học đều cao so với mặt bằng chung của thành phố.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Những tồn tại, hạn chế

- Công tác tham mưu đề xuất giải quyết các khó khăn vướng mắc liên quan của ngành chưa tạo đột phá như: phát triển quy mô giáo dục mầm non ngoài công lập (đặc biệt là nhà trẻ và tại các cụm, khu công nghiệp), xây dựng mô hình trường trọng điểm chất lượng cao, phát triển trường tư thục liên cấp theo tiêu chuẩn quốc tế.

Trang thiết bị, đồ dùng dạy học một số trường chưa đồng bộ, thiết bị dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông mới bổ sung chưa kịp thời. Việc đầu tư xây dựng phòng học thông minh, trường học thông minh còn chậm tiến độ, chưa đáp ứng yêu cầu. Do áp lực tăng học sinh, nhiều trường học phải thực hiện chuyển đổi mục đích phòng, chuyển một số phòng chức năng thành phòng học. Vì vậy, tổng số trường có đủ phòng chức năng (tính theo mức chất lượng tối thiểu) mới chỉ đạt khoảng 60%.

- Một số trường có nhiều điểm trường, quy mô số lớp, nhóm lớp cao vượt quy định, diện tích không còn khả năng mở rộng khuôn viên tại chỗ, gây khó khăn trong đầu tư cơ sở vật chất và quản lý sắp xếp đội ngũ. Trên địa bàn huyện năm học 2023 - 2024 còn 05 trường mầm non có quy mô trên 20 nhóm lớp (Đại Bản, An Hồng, An Hòa, Hồng Phong, An Đồng 1); 07 trường tiểu học có quy mô trên 30 lớp (Tân Tiến, An Hưng, An Hồng, Nam Sơn, An Hòa, Hồng Phong, Đồng Thái, An Đồng), trên 1 xã vẫn còn 02 trường tiểu học (xã Đại Bản), 02

trường mầm non (xã An Đồng).

- Nhiều trường học công nhận đạt chuẩn quốc gia từ năm 2010 trở về trước, cơ sở vật chất đã xuống cấp nghiêm trọng nên không còn đủ điều kiện để đạt chuẩn quốc gia. Từ nay đến năm 2025 có 30/50 trường công lập phải đánh giá công nhận trường đạt chuẩn quốc gia lại theo quy định và thực hiện theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Năng lực quản trị của một số cán bộ quản lý còn hạn chế, chưa quyết liệt trong quản lý chỉ đạo, chưa tạo được động lực thúc đẩy phong trào thi đua đổi mới, sáng tạo trong dạy và học để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và xây dựng hình ảnh, uy tín, thương hiệu của trường. Đội ngũ giáo viên thừa, thiếu cục bộ, cơ cấu chưa đồng bộ, còn có tình trạng giáo viên phải dạy số tiết vượt nhiều hơn so với quy định, dạy chéo môn. Thiếu giáo viên tin học, ngoại ngữ cấp tiểu học và giáo viên dạy các môn học tích hợp của THCS (môn khoa học tự nhiên; lịch sử và địa lý).

- Chưa xây dựng được cơ chế, chế độ khen thưởng thỏa đáng để ghi nhận, động viên thành tích của cán bộ giáo viên, đặc biệt là chế độ cô nuôi, bảo vệ, giáo viên hợp đồng ký thời hạn 09 tháng chưa đáp ứng được yêu cầu. Đội ngũ nhân viên các trường còn thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng; không có nhân viên y tế, thư viện, thiết bị chuyên trách.

- Chưa có trường phổ thông chất lượng cao đứng vào tốp đầu thành phố, việc triển khai xây dựng trường học trọng điểm chất lượng cao ở các bậc học chưa đạt kết quả như mong đợi. Chưa triển khai sâu rộng việc dạy học đa ngoại ngữ, tin học IC3; chất lượng dạy học, nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học chưa đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của huyện. Chưa xây dựng được mô hình điển hình trong công tác khuyến học khuyến tài, xã hội hóa giáo dục để nhân rộng, chưa phát huy hết tiềm năng của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư cho giáo dục.

- Trên địa bàn huyện 02 trường THPT công lập là THPT Nguyễn Trãi và An Dương có tốc độ tăng số lớp, số học sinh nhanh. Dự kiến năm học 2023-2024, quy mô trường THPT An Dương là 57 lớp và 2.565 học sinh và trường THPT Nguyễn Trãi là 55 lớp và 2.475 học sinh, dự kiến đến năm học 2024-2025, quy mô trường THPT An Dương là 60 lớp và 3.000 học sinh, trường THPT Nguyễn Trãi là 60 lớp và 2.700 học sinh. Diện tích đất trường THPT An Dương là 12.680 m², trung bình 2,9 m²/học sinh và không thể mở rộng. Hiện nay trường THPT An Dương thiếu 16 phòng học và chưa có phòng chức năng, bộ môn, trường THPT Nguyễn Trãi thiếu 18 phòng học bộ môn.

2.2. Nguyên nhân tồn tại hạn chế

- Tổng biên chế giao hàng năm còn thiếu so với định mức quy định, giao biên chế giáo viên hàng năm muộn so với kế hoạch thời gian năm học, chưa có cơ chế thu hút tuyển dụng giáo viên và thực hiện hợp đồng giáo viên còn thiếu; chưa thu hút được sinh viên xuất sắc tại các trường sư phạm đầu ngành về công tác tại huyện, chưa có sự chuẩn bị vị trí việc làm cho giáo viên các môn học mới trong chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Chưa có cơ chế chính sách cụ thể để phát triển hệ thống trường ngoài công lập, trường tư thục theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Sự vào cuộc của cấp ủy, chính quyền một số địa phương đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo còn hạn chế, chưa quyết tâm, quyết liệt trong việc xây dựng phong trào học tập ở địa phương; tính chủ động phối hợp với các phòng, ngành, địa phương, đơn vị trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục còn hạn chế. Công tác quản lý đội ngũ giáo viên, nhân viên ở một số trường còn hạn chế; đặc biệt là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, chưa phát huy tối đa năng lực, phẩm chất của giáo viên, nhân viên.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở; sự phối hợp của các đoàn thể chính trị xã hội trong toàn huyện là nhân tố quyết định tạo nên những kết quả nổi bật của giáo dục và đào tạo huyện trong thời gian qua.

Hai là, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo đảm bảo về số lượng, chất lượng, có tư tưởng đạo đức tốt, tâm huyết với nghề, có kiến thức và năng lực sư phạm vững vàng; làm tốt công tác thi đua khen thưởng, đảm bảo tính chính xác, khách quan, minh bạch, dân chủ và kịp thời. Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách, chăm lo đời sống vật chất cho đội ngũ nhà giáo, đây là điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

Ba là, linh hoạt, sáng tạo trong tổ chức các hoạt động giáo dục vừa đảm bảo theo hướng dẫn của cấp trên vừa phù hợp với tình hình thực tế của huyện. Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn, giáo dục toàn diện theo chương trình GDPT 2018. Không ngừng đổi mới công tác quản lý chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy và học, đa dạng hình thức sinh hoạt chuyên môn; tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá công bằng, khách quan, chính xác, chất lượng thực chất.

Bốn là, bố trí, sắp xếp hệ thống trường lớp phù hợp địa bàn, tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh học tập, rèn luyện. Quan tâm xây dựng cơ sở vật chất nhà trường, bổ sung phòng học, phòng chức năng; tăng cường trang thiết bị dạy học đảm bảo các điều kiện cho hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

mới.

Năm là, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của nhân dân đối với công tác giáo dục, xem giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu; làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, huy động và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân, các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế, lực lượng xã hội cùng chung tay tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục và cùng được thụ hưởng thành quả do giáo dục đem lại.

Sáu là, chủ động trong công tác tham mưu quản lý nhà nước về giáo dục, nhất là về những giải pháp đột phá, mang tính vĩ mô để ngành giáo dục phát triển bứt phá về quy mô trường lớp, xây dựng trường chuẩn, trường học thông minh, về nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; chủ động trong công tác phối hợp với các ban, ngành, đơn vị tại địa phương và thành phố trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục.

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG HUYỆN AN DƯƠNG ĐẾN NĂM 2030

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 với mục tiêu: Đến năm 2025, thành phố Hải Phòng cơ bản hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trở thành thành phố công nghiệp theo hướng hiện đại; là trọng điểm phát triển kinh tế biển, trung tâm du lịch quốc tế; hoàn thành các tiêu chí đô thị loại I; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; quốc phòng, an ninh được giữ vững; có tổ chức Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tạo nền tảng vững chắc để trở thành thành phố công nghiệp phát triển hiện đại, văn minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á vào năm 2030.

Cùng với sự phát triển của thành phố, huyện An Dương đang thực hiện đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, thành lập các phường và thành lập đơn vị hành chính quận tại huyện An Dương, chuyển đổi huyện An Dương thành đơn vị hành chính quận trước năm 2025; thực hiện triển khai đề án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực đô thị An Dương, thành phố Hải Phòng. Trong những năm tới, tốc độ đô thị huyện An Dương sẽ phát triển nhanh chóng, sự kết nối giữa huyện với các địa phương khác được thuận tiện hơn cũng sẽ là điều kiện thu hút học sinh nơi khác về quận học tập. Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, mạng lưới giao thông của huyện sẽ ngày càng hoàn thiện; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên, công tác xã hội hóa giáo dục được thực hiện có hiệu quả hơn là những điều kiện cơ bản thuận lợi cho giáo dục và đào tạo của huyện phát triển.

Dự báo quy mô dân số của huyện đến năm 2030 khoảng 300.000 người (tăng 1,5 lần so với năm 2023 là 217.135 người), năm 2040 khoảng 350.000 người dẫn đến số lượng học sinh tăng lên nhưng phân bố không đồng đều giữa các địa phương trên địa bàn huyện, dân cư tập trung chủ yếu ở những vùng quy hoạch đô thị, quanh các khu công nghiệp hoặc tiếp giáp với khu hành chính của thành phố nguyên nhân tăng đột biến là tăng dân số cơ học hoặc tạm trú để làm ăn tại huyện. Dự báo số học sinh mầm non, tiểu học và trung học cơ sở đến năm 2025 trong khoảng 54.000 học sinh, đến năm 2030 trong khoảng 60.000 học sinh, so với năm 2023 tăng thêm khoảng 7.200 học sinh.

Trong giai đoạn 2023-2025, huyện đang trong giai đoạn sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, thành lập các phường, thành lập quận An Dương và điều

chính địa giới hành chính giữa huyện An Dương và quận Hồng Bàng nên việc di dân cơ học, các khu, cụm công nghiệp, khu nhà ở xã hội, thương mại đô thị mới được xây dựng nhiều, số lượng người di cư về đông dẫn đến việc dự báo tình hình số lượng học sinh gặp khó khăn, phát triển đô thị dẫn đến việc dành quỹ đất cho giáo dục sẽ gặp nhiều khó khăn.

II. QUAN ĐIỂM

1. Quan điểm phát triển giáo dục mầm non và phổ thông huyện An Dương đến năm 2030:

(1) Phát triển giáo dục và đào tạo huyện phải phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, nhu cầu, nguyện vọng học tập của nhân dân và quy hoạch phát triển giáo dục - đào tạo thành phố; các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phải có tính khả thi, thiết thực, sát với tình hình, đặc điểm của địa phương.

(2) Không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục nhằm phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; trở thành đơn vị đi đầu trong thực hiện đổi mới giáo dục của thành phố.

(3) Hiện đại hóa hệ thống giáo dục mầm non và phổ thông trên cơ sở bảo đảm nền tảng giáo dục cơ bản, kế thừa những thành quả giáo dục và đào tạo của huyện. Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển và từng bước nhân rộng một số mô hình dạy học theo định hướng giáo dục thông minh ở bậc giáo dục phổ thông; hoàn thiện xây dựng trường học trọng điểm chất lượng cao tại huyện.

(4) Đổi mới quản lý giáo dục, quản trị trường học, tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình của trường học các cấp theo định hướng của Nhà nước trong giai đoạn mới.

(5) Huy động toàn xã hội chăm lo sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo, bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục và đào tạo. Tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo, đồng thời tạo điều kiện để các ngành, các cấp, các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển giáo dục và đào tạo huyện; khuyến khích sự đầu tư về trí tuệ, khoa học, công nghệ và các nguồn lực tiếp cận xu thế phát triển giáo dục tiên tiến. Phối hợp chặt chẽ nhà trường - gia đình - xã hội; xây dựng trường học “xanh - sạch - an toàn - kỷ cương” thúc đẩy sự phát triển toàn diện của học sinh. Đảm bảo công bằng trong giáo dục và đào tạo và ưu tiên các đối tượng có tiềm năng phát triển cao; thực hiện các chính sách ưu tiên đối với các đối tượng khó khăn, đặc biệt là các đối tượng chính sách, người nghèo, người khuyết tật.

(6) Đảm bảo vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng; chức năng quản lý, điều hành của các cấp chính quyền; huy động sự tham gia của các lực lượng xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển toàn diện giáo dục và

đào tạo huyện.

2. Đối tượng đề án

Quy mô học sinh; mạng lưới trường lớp; đội ngũ giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý; cơ sở vật chất, nguồn lực tài chính và nhu cầu sử dụng đất của các trường mầm non và phổ thông, trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện.

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung

Phấn đấu đến năm 2030, giáo dục huyện An Dương được đổi mới theo hướng toàn diện, chuẩn hóa, hiện đại là trọng điểm phát triển giáo dục của thành phố. Tập trung đầu tư và thu hút mọi nguồn lực xã hội để nâng cao chất lượng giáo dục, nguồn nhân lực, trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại chỗ với 02 mục tiêu trọng tâm:

- Quy hoạch tổng thể, mạng lưới trường học được sắp xếp phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh và nhân dân trước sự phát triển về quy mô dân số và chuyển đổi đơn vị hành chính quận tại huyện.

- Xây dựng thành công mô hình trường trọng điểm chất lượng cao đối với 03 cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở đạt tiêu chuẩn đánh giá trường học mức 4 (đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 4 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2).

2. Mục tiêu cụ thể

- Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học gắn liền với việc sắp xếp lại mạng lưới các trường nhằm điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đất cho giáo dục, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đầu tư chuẩn hóa; duy trì 100% trường học đạt chuẩn quốc gia của huyện, trong đó có trên 80% trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; ứng dụng và phát triển công nghệ số trong giáo dục theo hướng đô thị thông minh, hiện đại và hội nhập quốc tế; xây dựng hệ thống trường liên cấp theo chuẩn quốc tế;

- Tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mang tính tổng thể, thu hút, bố trí đủ biên chế, có cơ cấu đồng bộ, đáp ứng thực hiện chương trình GDPT năm 2018; thí điểm thi tuyển các chức danh cán bộ quản lý ngành giáo dục và đào tạo;

- Triển khai mô hình dạy học theo định hướng giáo dục thông minh để thực hiện việc tổ chức học tập ở mức độ chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, nhu cầu học tập của học sinh và yêu cầu của xã hội; giúp trẻ, học sinh được tiếp cận với chương trình giáo dục tiên tiến; tạo điều kiện để một số cơ sở giáo dục trở thành nhân tố tiên phong, nòng cốt để thực

hiện hiệu quả chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông 2018, đổi mới quản trị nhà trường theo hướng quản trị chất lượng giáo dục.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và chất lượng mũi nhọn; phấn đấu vượt các chỉ tiêu thành phố về giáo dục đào tạo ở mức cao; có các trường đứng trong tốp đầu thành phố về chất lượng giáo dục, chất lượng thi vào lớp 10 THPT, chất lượng giáo dục mũi nhọn; tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đi học đạt 65%, trẻ mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở đạt 100%; ứng dụng giáo dục Montessori trong thực hiện chương trình Giáo dục mầm non, triển khai mô hình dạy học theo định hướng giáo dục thông minh đối với cấp tiểu học và trung học cơ sở.

*** Giai đoạn 2023-2025**

- Tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên cơ bản đủ về số lượng, đảm bảo về cơ cấu, đảm bảo 100% giáo viên, nhân viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định.

- Bố trí nguồn đầu tư đề nghị các địa phương thực hiện đồ án quy hoạch chi tiết 1/2000 các trường, xác định được mặt bằng tổng thể xây dựng các công trình trong các trường học hiện trạng để có định hướng đầu tư xây dựng phù hợp. Đồng thời đầu tư mở rộng diện tích trường học, bổ sung số phòng học cho các trường mầm non, trường phổ thông để đủ điều kiện cơ sở vật chất theo hướng đạt chuẩn mức độ 2 theo thông tư số 13/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Duy trì 100% trường học đạt chuẩn quốc gia, xây dựng thêm ít nhất 15 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2: năm 2023 phấn đấu xây dựng 04 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (mầm non An Hồng, tiểu học Hồng Thái, THCS An Hoà, THCS Hồng Phong); năm 2024 phấn đấu xây dựng 06 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (mầm non Lê Lợi, tiểu học Lê Thiện, THCS Đặng Cương, THCS Tân Tiến, THCS Bắc Sơn, THCS An Dương); năm 2025 phấn đấu xây dựng 08 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (mầm non An Dương, mầm non Hồng Phong, mầm non Quốc Tuấn; tiểu học Nam Sơn, tiểu học An Hưng, THCS Nam Sơn, THCS An Đông, THCS Đại Bản). Đảm bảo đến năm 2025, mỗi đơn vị xã, thị trấn có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; xây dựng 03 xã, thị trấn có 100% các trường công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Triển khai xây dựng trường trọng điểm chất lượng cao trên cơ sở hiện trạng trường mầm non An Dương, trường tiểu học An Dương và THCS An Dương đảm bảo đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 4 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; Ứng dụng giáo dục Montessori trong thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non, triển khai mô hình dạy học theo định hướng giáo dục thông minh đối với tiểu học và trung học cơ sở đảm bảo tiệm cận trường mầm non, phổ thông tiên tiến theo xu thế hội nhập quốc tế; đứng trong tốp đầu thành phố về

chất lượng giáo dục.

- Xây dựng hệ thống quản lý giáo dục, dạy học thông minh trên hệ thống tổng hợp thông tin, quản lý, chia sẻ dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định (DSS) của huyện: phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; kết nối cơ sở giáo dục, điều hành hoạt động giáo dục với các giải pháp Công nghệ thông tin thông qua trung tâm điều hành; thực hiện quản lý hồ sơ, sổ sách điện tử, dịch vụ công trực tuyến; hệ thống quản trị trường học, lớp học, cơ sở vật chất trường học, lớp học thông minh đồng bộ, kết nối, liên thông và chia sẻ; xây dựng và tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá thông minh.

- Xây dựng trường liên cấp theo chuẩn quốc tế diện tích 80.000 m² tại khu đất 59ha xã Hồng Thái.

- Phấn đấu hết năm 2025, các chỉ tiêu về giáo dục đào tạo của huyện đều vượt chỉ tiêu thành phố; duy trì đứng đầu khối huyện về chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng thi vào lớp 10 THPT, chất lượng thi học sinh giỏi.

*** Đến năm 2030**

- Tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, giáo viên phổ thông tuyển mới từ năm 2026 phải được đào tạo chính quy theo quy định, đảm bảo 100% giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn; có cơ chế, chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc tại các trường sư phạm đầu ngành của cả nước về công tác tại địa phương; thí điểm thi tuyển các chức danh cán bộ quản lý ngành giáo dục và đào tạo;

- Duy trì 100% các trường công lập đạt chuẩn quốc gia, xây dựng thêm 03 trường ngoài công lập đạt chuẩn quốc gia; phấn đấu 80% các trường công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Xây dựng hệ thống học liệu và phần mềm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh thông qua hệ thống thư viện thông minh, phòng học thông minh, ngân hàng học liệu thông minh, chương trình dạy học hiện đại, bao gồm các nội dung: giáo dục STEM, tự động hoá ứng dụng, triển khai dạy học các chương trình cơ bản về trí tuệ nhân tạo (AI), Công nghệ chuỗi khối (Blockchain), Coding phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học; xây dựng hệ thống thi, kiểm tra, khảo sát, phân tích, đánh giá kết quả bằng phần mềm; thực hiện phân tích, thông kê để điều chỉnh, cải tiến quá trình dạy học, định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông.

- Hoàn thiện xây dựng trường trọng điểm chất lượng cao: đối với trường mầm non quy hoạch điểm mới khu đất Lê Lợi rộng 11.000 m²; trường tiểu học quy hoạch toàn bộ 7.482 m² của trường THCS An Dương hiện tại và 15.000 m² đất trống phía sau 2 trường tiểu học An Dương và THCS An Dương, quy hoạch trường trung học cơ sở ra khu mới rộng 25.000 m² đảm bảo đạt kiểm định chất

lượng giáo dục cấp độ 4 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; áp dụng mô hình dạy học theo định hướng giáo dục thông minh, trường mầm non, phổ thông tiên tiến theo xu thế hội nhập quốc tế và các dịch vụ giáo dục chất lượng cao.

- Phát triển các trường mầm non, phổ thông tư thục và trường liên cấp đạt chuẩn quốc tế trên địa bàn huyện, đến năm 2030 có thêm 05 trường mầm non ngoài công lập trên địa bàn huyện và 01 trường tư thục liên cấp theo chuẩn quốc tế; xây dựng thêm 01 trường THPT ngoài công lập và 02 trường mầm non tư thục đạt chuẩn quốc gia.

- Phân đầu đến năm 2030, các chỉ tiêu về giáo dục đào tạo của huyện đều vượt chỉ tiêu thành phố ở mức cao; đứng trong tốp đầu thành phố về chất lượng giáo dục, thi vào lớp 10 THPT, chất lượng giáo dục mũi nhọn và là trọng điểm phát triển giáo dục và đào tạo của thành phố.

IV. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Quy hoạch mạng lưới, phát triển quy mô các cơ sở giáo dục

Mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo phát triển đồng bộ giữa các cấp học, bố trí hợp lý trên địa bàn huyện, phù hợp với việc chuyển đổi huyện thành quận, ưu tiên đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục tại các xã xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và chuyển đổi thành phường; tập trung phát triển mạng lưới phù hợp với từng địa phương, ưu tiên quy hoạch các trường đủ về diện tích, phù hợp với điều kiện dân cư, cơ sở vật chất hiện đại, tập trung tại khu vực trung tâm, khu vực tập trung đông dân cư.

Trong giai đoạn đầu tập trung đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và duy trì trường chuẩn quốc gia mức độ 1 theo thứ tự ưu tiên. Quá trình thực hiện trong giai đoạn 2023-2030, ưu tiên cao cho việc mở rộng diện tích các trường, gắn liền với việc xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và phát triển thành lập quận. Hiện nay đã triển khai được danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 với 55 dự án, công trình được đầu tư với tổng mức đầu tư hơn **643,059** tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2022-2025 đầu tư **34** dự án với tổng mức đầu tư **379, 363** tỷ đồng; dự kiến giai đoạn 2026-2030 đầu tư 28 dự án với tổng mức đầu tư **710** tỷ đồng.

Việc mức đầu tư xây dựng trường học trong giai đoạn 2023-2030 tập trung đầu tư: Quy hoạch, xây dựng trường ra địa điểm mới ít nhất **03** trường (mầm non: Bắc Sơn, THCS Lê Thiện, THCS An Dương); mở rộng diện tích trường hiện tại và xây dựng thêm các công trình ở **19** trường (mầm non Lê Thiện, mầm non Tân Tiến, mầm non Nam Sơn, mầm non Lê Lợi, mầm non Đặng Cương, mầm non Hồng Thái, mầm non Đồng Thái, mầm non An Dương; tiểu học Tân Tiến, tiểu học Nam Sơn, tiểu học Quốc Tuấn, tiểu học Hồng Thái, tiểu học Đồng Thái, tiểu học An Đồng, tiểu học An Dương; THCS Nam Sơn,

THCS Hồng Phong, THCS Quốc Tuấn, THCS Đồng Thái); xây dựng thêm các công trình trên diện tích đang có và cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất **18** trường.

Đến năm 2025, sau khi điều chỉnh địa giới hành chính giữa huyện An Dương và quận Hồng Bàng toàn huyện giảm xuống còn 50 trường mầm non và phổ thông (giảm 11 trường do điều chuyển xã An Hồng: 03 trường, xã An Hưng: 03 trường, xã Đại Bản 04 trường và THPT Nguyễn Trãi).

Đến năm 2030, toàn huyện có 03 trường trọng điểm chất lượng cao (mầm non An Dương, tiểu học An Dương, THCS An Dương); xây dựng thêm 01 trường liên cấp theo chuẩn quốc tế, 01 trường trung học phổ thông công lập (phân hiệu 02 trường THPT An Dương), 03 trường phổ thông tư thục và 05 trường mầm non ngoài công lập, nâng tổng số trường mầm non và phổ thông toàn huyện lên 60 trường.

2. Phát triển, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên

Đảm bảo đội ngũ giáo viên về số lượng, cơ cấu bộ môn cũng như điều kiện đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ, đảm bảo đủ biên chế giáo viên, nhân viên theo quy định và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập⁶; có kế hoạch tuyển dụng, thuyên chuyển, điều động hợp lý về cơ cấu đội ngũ giáo viên, nhân viên giữa các trường đảm bảo đồng đều giữa các trường và đồng bộ về cơ cấu, đến năm 2025, đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu giáo viên đặc biệt giáo viên ngoại ngữ, tin học, tuyển dụng giáo viên dạy tiếng Hàn tại các trường dạy ngoại ngữ 1 là tiếng Hàn.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có đủ phẩm chất, năng lực, đạt trình độ chuẩn đào tạo, có lòng yêu nghề, tâm huyết với nghề, thường xuyên đổi mới, sáng tạo trong công việc. Đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng lực quản trị trường học cho đội ngũ cán bộ quản lý, đồng thời nâng cao năng lực và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, tạo bước chuyển biến cơ bản trong công tác cán bộ giai đoạn 2023 - 2025. Đến năm 2025, 100% giáo viên các bậc học đạt chuẩn về trình độ đào tạo trong đó trình độ trên chuẩn đối với bậc mầm non: 80%, phổ thông trên 15%; thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý; kịp thời kiện toàn, bổ sung khi thiếu khuyết cán bộ quản lý.

3. Đầu tư xây dựng trường học trọng điểm chất lượng cao

Xây dựng trường học trọng điểm chất lượng cao đảm bảo có cơ sở vật

⁶ Quy định tại Thông tư số 16/2017/TT- BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

chất, thiết bị dạy học hiện đại đảm bảo trường học đạt tiêu chuẩn đánh giá trường học mức 4 (đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 4 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2); đảm bảo môi trường giáo dục “xanh - sạch - an toàn - kỷ cương”, khuyến khích phát triển bản thân.

Xây dựng chương trình giáo dục nhà trường: Ngoài việc đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục chung của cấp học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có chương trình giáo dục tăng cường nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát huy tính sáng tạo, năng khiếu, sở trường học sinh; đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, gồm: Nội dung dạy học tăng cường Ngoại ngữ và Tin học theo chuẩn quốc tế; nội dung dạy học các môn Toán, Khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh; nội dung dạy học gắn với thực tiễn giúp học sinh được trải nghiệm, thực nghiệm để phát huy khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn qua đó hình thành phẩm chất, năng lực và kỹ năng hội nhập quốc tế; nội dung giáo dục kỹ năng mềm cho học sinh đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa; nội dung dạy học phát triển năng lực, năng khiếu theo môn học; phát triển năng khiếu thể dục thể thao, âm nhạc, mỹ thuật. Đảm bảo chuẩn đầu ra theo yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông và chuẩn đầu ra đối với các chương trình tăng cường nhằm nâng cao kỹ năng hội nhập cho học sinh⁷; tham dự các kỳ thi học sinh giỏi từ cấp thành phố trở lên đứng trong top đầu thành phố.

- Đến năm 2025, xây dựng trường trọng điểm chất lượng cao trên cơ sở hiện trạng trường mầm non An Dương, trường tiểu học An Dương và THCS An Dương đảm bảo đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 4 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Đến năm 2030, Hoàn thiện xây dựng trường trọng điểm chất lượng cao: đối với trường mầm non quy hoạch điểm mới khu đất Lê Lợi rộng 11.000 m² với quy mô 20 lớp và 660 trẻ; trường tiểu học quy hoạch toàn bộ 7.482 m² của trường THCS An Dương hiện tại và 15.000 m² đất trống phía sau 2 trường tiểu học An Dương và THCS An Dương với quy mô 30 lớp và 1.050 học sinh, quy hoạch trường trung học cơ sở ra khu mới rộng 25.000 m² với quy mô

⁷ Đối với giáo dục mầm non: 100% trẻ mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh, trong đó có 90% trẻ đạt được mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT- BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo và theo chuẩn quốc tế; 100% trẻ được tham gia hoạt động trải nghiệm với thực tiễn, hoạt động xã hội, hoạt động cộng đồng, thường xuyên tham gia rèn luyện phát triển thể chất; 100% trẻ được hình thành kỹ năng giao tiếp, tư duy phân biện và sáng tạo, phát triển trí tuệ cảm xúc; 100% trẻ tham gia học các bộ môn năng khiếu đạt được các mục tiêu, yêu cầu cơ bản đối với từng môn học (*thể thao, âm nhạc, mỹ thuật, Đàn, Kỹ năng MC...*).

Đối với giáo dục phổ thông: Chuẩn đầu ra đối với chương trình Tin học theo chuẩn quốc tế (tiểu học: 90% học sinh đạt trình độ Tin học quốc tế IC3 SPAKK; THCS: 90% học sinh đạt trình độ Tin học quốc tế IC3); Trình độ Ngoại ngữ cuối mỗi cấp học theo chuẩn quốc tế (tiểu học: 90% học sinh có năng lực sử dụng tiếng Anh đạt bậc A2 trở lên; THCS: 90% học sinh có năng lực sử dụng tiếng Anh đạt bậc B1 trở lên theo Khung tham chiếu ngôn ngữ chung châu Âu); 100% học sinh tham gia học tập theo phương thức giáo dục STEM, hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng mềm và phát triển năng lực, năng khiếu môn học, năng khiếu thể thao, nghệ thuật.

35 lớp và 1.600 học sinh.

4. Thực hiện chuyển đổi số, xây dựng mô hình trường học thông minh trong quản trị trường học và tổ chức dạy học.

Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin đồng bộ, hoạt động có hiệu quả:

- Các nhà trường xây dựng trang website, chuyên trang, chuyên mục của nhà trường, xây dựng các kênh thông tin, diễn đàn trực tuyến để thường xuyên trao đổi, liên lạc với gia đình;

- Thực hiện quản lí hoạt động chuyên môn, hành chính, tài chính và tài sản; công tác tuyển sinh, điểm danh thông minh, theo dõi trẻ điện tử...qua hệ thống phần mềm quản lí;

- Ứng dụng chuyển đổi số, các phần mềm giáo dục trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh; quản lí kế hoạch giáo dục thông qua hồ sơ điện tử.

- Tích hợp khảo sát mức độ hài lòng của nhân dân và cha mẹ học sinh, xây dựng kho tài nguyên số, thư viện điện tử trường học, trường học ảo. Từng bước xây dựng trung tâm điều hành giáo dục thông minh của huyện hướng đến mục tiêu tích hợp, chia sẻ dữ liệu với hệ thống của Ủy ban nhân dân huyện.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực giảng dạy tin học, ngoại ngữ. Bồi dưỡng học sinh phát triển về năng lực, phẩm chất, chú trọng phát triển năng lực tin học, ngoại ngữ.

5. Nâng cao chất lượng và các chỉ số giáo dục

5.1 Giáo dục mầm non

- Đến năm 2025:

- + Hoàn thành sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn, tăng cường xã hội hoá đầu tư phát triển các trường ngoài công lập; xây dựng ít nhất 01 trường mầm non ngoài công lập.

- + Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt 46%, trẻ mẫu giáo đạt 100%.

- + Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho 100% trẻ.

- + Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng còn dưới 3%; trẻ thừa cân, béo phì còn dưới 5%.

- + Đảm bảo đủ giáo viên, nhân viên theo quy định; cán bộ quản lí, giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn là 100%.

- + Duy trì 100% các trường đạt chuẩn quốc gia, phấn đấu xây dựng thêm 05 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- + Ứng dụng giáo dục mầm non tiên tiến trong thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non: 100% các trường mầm non ứng dụng giáo dục STEM, 30%

trường mầm non ứng dụng giáo dục Montessori Ứng dụng giáo dục STEM trong thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non.

- Đến năm 2030:

- + Xây dựng thêm 05 trường mầm non ngoài công lập.
- + Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt 60%, trẻ mẫu giáo đạt 100%.
- + 100% các trường triển khai cho trẻ làm quen với tiếng Anh và Tin học và ứng dụng chuyển đổi số trong trường học theo mô hình trường học thông minh.
- + Phân đầu xây dựng thêm 05 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và 01 trường mầm non ngoài công lập đạt chuẩn quốc gia.
- + Ứng dụng giáo dục mầm non tiên tiến trong thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non: 50% trường mầm non ứng dụng giáo dục Montessori Ứng dụng giáo dục STEM trong thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non.

5.2. Giáo dục tiểu học

- Đến năm 2025:

- + Tỷ lệ huy động trẻ đi học đúng độ tuổi (6-10 tuổi) đạt 100%; Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,99%; tỷ lệ hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.
- + Tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày đạt 100%; 100% học sinh học ngoại ngữ và tin học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.
- + Đảm bảo đủ giáo viên về số lượng, chất lượng và cơ cấu đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.
- + CBQL, giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn là 100%; phân đầu CBQL, giáo viên có trình độ trên chuẩn là 10%.
- + Duy trì 100% các trường đạt chuẩn quốc gia, phân đầu xây dựng thêm 05 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.
- + Xây dựng trường trọng điểm chất lượng cao trên hiện trạng trường tiểu học An Dương (đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 4 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2), triển khai mô hình dạy học theo định hướng giáo dục thông minh tại 01 trường tiểu học; thí điểm triển khai dạy học ngoại ngữ 1 đối với tiếng Hàn tại 03 trường.
- + Chất lượng giáo dục tiểu học đứng đầu khối huyện.

- Đến năm 2030:

- + Toàn huyện có 13 trường tiểu học công lập, phân đầu xây dựng 01 trường liên cấp đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- + 100% học sinh học ngoại ngữ và tin học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- + Phân đầu CBQL, giáo viên có trình độ trên chuẩn là 20%.
- + Phân đầu xây dựng thêm 06 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.
- + Xây dựng trường trọng điểm chất lượng cao quy hoạch mở rộng trường tiểu học An Dương (đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 4 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2), triển khai mô hình dạy học theo định hướng giáo dục thông minh tại 10 trường tiểu học; thí điểm triển khai dạy học ngoại ngữ 1 đối với tiếng Hàn tại 10 trường.
- + Chất lượng giáo dục tiểu học có trường đứng đầu thành phố.

5.3. Giáo dục trung học cơ sở

- Đến năm 2025:

- + Tỷ lệ học sinh đúng độ tuổi vào lớp 10 là 85%, số còn lại được đào tạo theo mô hình 9+.
- + Học sinh THCS có chứng chỉ tin học, ngoại ngữ quốc tế hoặc có trình độ tương đương là 10%.
- + Đảm bảo đủ giáo viên về số lượng, chất lượng và cơ cấu đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.
- + Cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn là 100%; phân đầu CBQL, giáo viên có trình độ trên chuẩn là 15%.
- + Duy trì 100% các trường đạt chuẩn quốc gia, phân đầu xây dựng thêm 09 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.
- + Xây dựng trường trọng điểm chất lượng cao trên cơ sở hiện trạng trường THCS An Dương (đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 4 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2), triển khai mô hình dạy học theo định hướng giáo dục thông minh tại 01 trường trung học cơ sở; thí điểm triển khai dạy học ngoại ngữ 1 đối với tiếng Hàn tại 03 trường.

+ Chất lượng giáo dục toàn diện được duy trì và phát triển bền vững: Bình quân điểm thi vào lớp 10 THPT hàng năm, xếp hạng thi học sinh giỏi THCS cấp thành phố đứng top 5 thành phố, có 20 học sinh đỗ vào trường THPT chuyên Trần Phú. Thứ hạng điểm trung bình thi vào lớp 10 THPT các trường THCS so với thành phố: 01 trường trong top 20, 01 trường trong top 30, 03 trường trong top 50, 05 trường trong top 100, 03 trường trong top 120.

- Đến năm 2030:

- + Toàn huyện có 13 trường trung học cơ sở công lập, phân đầu xây dựng 01 trường liên cấp đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- + Học sinh THCS có chứng chỉ tin học, ngoại ngữ quốc tế hoặc có trình độ tương đương là 30%.
- + Phân đầu xây dựng thêm 03 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

+ Xây dựng trường trọng điểm chất lượng cao quy hoạch trường THCS An Dương ra khu mới rộng 2,5ha (đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 4 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2), triển khai mô hình dạy học theo định hướng giáo dục thông minh tại 10 trường trung học cơ sở; thí điểm triển khai dạy học ngoại ngữ 1 đối với tiếng Hàn tại 10 trường.

+ Chất lượng giáo dục toàn diện được duy trì và phát triển bền vững: Bình quân điểm thi vào lớp 10 THPT hàng năm, xếp hạng thi học sinh giỏi THCS cấp thành phố đứng top 3 thành phố, có 50 học sinh đỗ vào trường THPT chuyên Trần Phú. Thứ hạng điểm trung bình thi vào lớp 10 THPT các trường THCS so với thành phố: 01 trường trong top 5, 01 trường trong top 10, 02 trường trong top 20, 02 trường trong top 30, 02 trường trong top 50, 05 trường trong top 100.

5.4. Giáo dục trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên

- Đến năm 2025:

+ Tỷ lệ thanh thiếu niên đi học đúng độ tuổi trung học phổ thông và tương đương đạt 98% trở lên.

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đạt 100%.

+ Đội ngũ giáo viên có trình độ thạc sỹ đạt 30% trở lên.

+ Số giáo viên dạy giỏi ở các môn khoa học tự nhiên thành thạo ngoại ngữ và có thể giảng dạy môn học mình phụ trách bằng tiếng nước ngoài là 10%.

+ Xây dựng phân hiệu 2 trường THPT An Dương tại xã Hồng Phong.

+ Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT hàng năm: trường THPT An Dương xếp top 10 thành phố, có từ 10 học sinh đạt từ 27 điểm trở lên; hàng năm có học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia; chất lượng thi học sinh giỏi cấp thành phố xếp top 10 thành phố.

+ Đối với giáo dục thường xuyên chủ động định hướng đào tạo nghề đáp ứng nguồn nhân lực tại chỗ, nhu cầu học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập tại địa phương.

- Đến năm 2030:

+ Xây dựng thêm 01 trường THPT ngoài công lập đạt chuẩn quốc gia.

+ Đội ngũ giáo viên có trình độ thạc sỹ đạt 50% trở lên.

+ Số giáo viên dạy giỏi ở các môn khoa học tự nhiên thành thạo ngoại ngữ và có thể giảng dạy môn học mình phụ trách bằng tiếng nước ngoài là 30%.

+ Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT hàng năm: trường THPT An Dương xếp top 05 thành phố, có từ 30 học sinh đạt từ 27 điểm trở lên; hàng năm có học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia, chất lượng thi học sinh giỏi cấp thành phố xếp top 05 thành phố.

+ Đối với giáo dục thường xuyên, 100% học sinh được đào tạo song bằng.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các ngành, các cấp trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể triển khai thực hiện mục tiêu của Đề án; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội đối với phát triển giáo dục; đặc biệt là phát huy vai trò cấp ủy của chi ủy, chi bộ trong nhà trường, đưa mục tiêu phát triển giáo dục vào chương trình hành động, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với giáo dục - đào tạo để các cấp, các ngành và nhân dân có nhận thức đầy đủ về vai trò, vị trí của giáo dục - đào tạo, từ đó tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội trong thực hiện các chủ trương phát triển giáo dục. Tiếp tục quán triệt để nhận thức đầy đủ, sâu sắc các quan điểm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo trong cán bộ, đảng viên, nhà giáo và nhân dân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giám sát, phản biện, tạo sự đồng thuận và huy động lực lượng xã hội tham gia công cuộc đổi mới, phát triển giáo dục - đào tạo. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, vai trò cấp ủy, chính quyền, liên ngành, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, giải quyết dứt điểm những yếu kém, bất cập trong giáo dục.

- Nâng cao năng lực quản trị nhà trường cho cán bộ quản lý giáo dục, phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục; Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra, siết chặt kỷ cương trong quản lý giáo dục. Thực hiện tốt các chủ trương về công khai trong giáo dục, phát huy tác dụng của hoạt động giám sát xã hội đối với giáo dục.

- Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời. Biểu dương gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến trong hoạt động giáo dục, đào tạo. Tôn vinh kịp thời, khen thưởng xứng đáng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc và đóng góp nổi bật cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

- Chủ động tham mưu Thành phố và tham vấn các Sở, Ngành tạo điều kiện các cơ chế đặc thù để phát triển giáo dục.

2. Tập trung nguồn lực đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ chuẩn hóa, hiện đại hóa

Ủy ban nhân dân huyện đảm bảo kinh phí chi thường xuyên hàng năm cho cơ sở giáo dục; sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước, các nguồn tài trợ kết hợp với việc huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục.

Đảm bảo thiết bị dạy học tối thiểu phục cho các môn học, lớp học, cấp học thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đảm bảo tiến độ, chất lượng. Phát triển, đầu tư xây dựng hệ thống thư viện thông minh, phòng chức năng, phòng học STEAM theo yêu cầu phát triển, hội nhập.

Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục đặc biệt là các đơn vị triển khai các mô hình giáo dục mới, triển khai nhân rộng trong phạm vi toàn huyện.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, đạt về yêu cầu chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong tình hình mới

Thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng giáo viên về chuyên môn, nghiệp vụ theo các chương trình bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu chương trình Giáo dục phổ thông 2018, chú trọng bồi dưỡng giáo viên tích hợp các môn khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp...

Nâng cao năng lực, đặc biệt là năng lực quản trị nhà trường cho cán bộ quản lý các cấp. Tạo cơ hội, môi trường để đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lí.

Xây dựng kế hoạch hàng năm về bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Khuyến khích các hoạt động tự bồi dưỡng của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong toàn ngành.

Xây dựng Đề án sắp xếp, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ giáo viên; tạo động lực cho cán bộ, giáo viên giỏi đóng góp xây dựng ngành giáo dục và đào tạo huyện; tham mưu thí điểm thi tuyển chức danh cán bộ quản lý, cơ chế thu hút giáo viên giỏi, sinh viên xuất sắc tốt nghiệp các trường sư phạm đầu ngành về công tác tại huyện nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục; Đảm bảo đầy đủ chế độ chính sách cho đội ngũ; có chính sách hỗ trợ hoặc cơ chế động viên khen thưởng giáo viên có thành tích xuất sắc.

4. Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, chất lượng học sinh giỏi

- Thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục phổ thông 2018; đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, lý tưởng cách mạng cho học sinh, hình thành và phát triển ở học sinh 5 phẩm chất và 8 năng lực theo mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo khoa học kỹ thuật nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện.

- Tăng cường dạy và học ngoại ngữ, tập trung nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, xây dựng huyện An Dương là đơn vị thí điểm triển khai ngoại ngữ 1 đối với tiếng Hàn. Thực hiện chủ trương xã hội hoá trong liên kết, hợp tác với các tổ chức giáo dục uy tín nhằm tăng cường dạy học ngoại ngữ, tin học, giáo dục STEAM, giáo dục kỹ năng sống, ...góp phần đào tạo những công dân toàn cầu.

- Thực hiện nghiêm túc công tác thi, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh; công khai chất lượng giáo dục làm cơ sở để tiếp tục cải tiến vươn lên, khẳng định vị thế của các nhà trường trong ngành giáo dục và phụ huynh, nhân dân.

- Triển khai thực hiện mô hình trường học trọng điểm chất lượng cao ở cả ba cấp tạo điều kiện có cơ chế đặc thù cho mô hình trường tiên tiến để thực sự xây dựng được mô hình giáo dục hiện đại, áp dụng khoa học giáo dục tiên tiến để hội nhập quốc tế.

- Triển khai việc dạy học các môn Toán, Tin học, Khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh theo chuẩn quốc tế; triển khai chương trình song bằng ở trường trọng điểm chất lượng cao và ở các lớp có đủ điều kiện; tạo điều kiện cơ hội hỗ trợ học sinh tham gia các sân chơi khoa học, các cuộc thi/giao lưu trong khu vực và quốc tế.

- Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng học sinh giỏi ở các trường trung học cơ sở; phấn đấu số lượng, chất lượng giải học sinh giỏi đến năm 2025 trong nhóm dẫn đầu khối huyện, đến năm 2030 trong nhóm dẫn đầu thành phố.

5. Đẩy mạnh công tác truyền thông, xã hội hóa phát triển giáo dục - đào tạo

- Tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị về giáo dục và đào tạo, từ đó tạo sự đồng thuận của toàn xã hội và huy động mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất trường học, chăm lo giáo dục học sinh.

- Thực hiện tốt công bằng xã hội trong giáo dục, đảm bảo tạo cơ hội học tập cho mọi tầng lớp nhân dân; Phát huy vai trò Hội Khuyến học các cấp, nhân rộng các mô hình học tập tiêu biểu, xây dựng huyện học tập.

- Đổi mới công tác xã hội hoá giáo dục, tăng cường hoạt động có hiệu quả của Ban đại diện cha mẹ học sinh; đảm bảo các nguyên tắc tự nguyện, đúng mục

đích, đúng quy trình, thủ tục. Thực hiện có hiệu quả nguồn kinh phí xã hội hoá giáo dục trong đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Xây dựng mối quan hệ thường xuyên giữa nhà trường và cấp ủy, chính quyền địa phương, cộng đồng xã hội trong việc tham gia giữ gìn an ninh an toàn trường học; làm chuyên biến chất lượng, phát triển giáo dục.

- Nâng cao chất lượng tham mưu, hiệu quả quản lý của Phòng Giáo dục và Đào tạo và năng lực lãnh đạo của cấp ủy, chỉ bộ, Ban giám hiệu các trường học: bảo đảm biên chế, vị trí việc làm, năng lực, trình độ của cán bộ, công chức phòng Giáo dục và Đào tạo để làm tốt công tác tham mưu, thường xuyên cập nhật kiến thức mới về giáo dục và đào tạo; chỉ đạo các nhà trường tăng cường công tác cải cách hành chính; xây dựng và thực hiện quy định văn hóa nhà trường; cán bộ quản lý nhà trường nêu cao tinh thần chủ động đổi mới, quyết tâm nâng cao chất lượng giáo dục.

6. Xây dựng và nâng cao chất lượng môi trường giáo dục

- Tập trung nguồn lực để cải tạo, chỉnh trang khuôn viên trường học; xây dựng môi trường học đường lành mạnh, thân thiện; xây dựng các mô hình trường học “xanh - sạch - an toàn - kỷ cương”. Cải tạo hoặc xây mới thư viện, đầu tư mở rộng không gian đọc sách theo hướng thân thiện với môi trường học, phù hợp với lứa tuổi học sinh của từng cấp học. Trang bị các tủ sách, đầu sách tại các nhà trường phù hợp với lứa tuổi học sinh; hướng dẫn học sinh các kỹ năng đọc sách; tổ chức các câu lạc bộ về sách, phát động phong trào đọc sách trong thư viện trường học, các hội thi về sách gắn với hoạt động ngoại khóa; tiếp tục triển khai dự án “Bước chân của sách” nhằm phát triển văn hóa đọc trong nhà trường.

- Xây dựng các khu học tập, rèn luyện và vui chơi cho học sinh để rèn luyện tri thức, đạo đức; các kỹ năng sống, kỹ năng ứng phó linh hoạt với các vấn đề xã hội, kỹ năng cảm thụ; tính nhân văn, hướng thiện... đồng thời nâng cao sức khỏe, rèn luyện thể chất cho học sinh.

7. Nhóm giải pháp đột phá

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng về đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo (tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành nghị quyết chuyên đề về phát triển giáo dục và đào tạo); Tăng cường xã hội hóa giáo dục, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm chất lượng cao trên địa bàn huyện; Đẩy mạnh chất lượng dạy, học ngoại ngữ và chuyên đổi số trong giáo dục được xác định là 3 giải pháp đột phá của ngành giáo dục huyện An Dương giai đoạn 2023-2030.

7.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng về đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo

Đột phá trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ XVI; xác định đây là nhiệm vụ quan trọng cả trước mắt và lâu dài, phải kiên trì, sáng tạo trong tổ chức thực hiện. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, bất cập, những "điểm nghẽn", tạo bước đột phá về chất lượng giáo dục và đào tạo của các địa phương và toàn huyện.

7.2. Tăng cường xã hội hóa giáo dục, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm chất lượng cao trên địa bàn huyện

Đánh giá hiện trạng quy hoạch, sắp xếp hệ thống mạng lưới trường lớp, tổng diện tích, các hạng mục công trình và thực trạng nhu cầu giáo dục của các nhà trường làm cơ sở đề xuất quy hoạch, cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới; đặc biệt quan tâm phát triển trường học tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nơi có mật độ dân số; rà soát, sắp xếp lại các trường có nhiều điểm trường đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tiên phong, đi đầu trong công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia của thành phố, xác định xây dựng trường học chất lượng cao là điểm nhấn phát triển giáo dục giai đoạn 2023-2030.

Huy động mọi nguồn lực từ nhà nước, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân và tài trợ quốc tế cho giáo dục và đào tạo, trong đó chú trọng phát triển các trường ngoài công lập, đặc biệt tại các khu công nghiệp, các dự án nhà ở thương mại; trường tư thực liên cấp theo tiêu chuẩn quốc tế theo xu thế hội nhập; khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho giáo dục và chuyển giao khoa học công nghệ.

Tăng cường vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của cộng đồng, tổ chức, cá nhân, gia đình trong giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục. Công khai mọi quy trình, thủ tục trong quản lý hệ thống giáo dục và ở mỗi cơ sở giáo dục để mỗi người dân và toàn xã hội tham gia giám sát, đánh giá giáo dục; đa dạng hóa nguồn lực thực hiện giáo dục có chất lượng ở các cấp học, bậc học.

Kêu gọi và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư phát triển xây dựng các trường ngoài công lập, dạy nghề trên địa bàn huyện; triển khai các chính sách hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục ngoài công lập, trước hết là về đất đai.

7.3. Đẩy mạnh chất lượng dạy, học ngoại ngữ và chuyển đổi số trong giáo dục

Triển khai dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục theo chuẩn đầu ra của các cấp học; từng bước nâng cao chất lượng theo chuẩn quốc tế; Phát triển đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng. Khuyến khích giáo viên, học sinh tự học, tự nâng cao trình độ và sử dụng ngoại

ngữ. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực hành ngoại ngữ, phát triển hệ thống các sân chơi ngoại ngữ, tổ chức cuộc thi các cấp, khuyến khích học sinh tham gia các cuộc thi toàn quốc, quốc tế về ngoại ngữ, thi điểm dạy ngoại ngữ 1 đối với tiếng Hàn tại các địa phương có nhu cầu. Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học ngoại ngữ theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin; tổ chức thi lấy chứng chỉ ngoại ngữ theo tiêu chuẩn quốc tế tại huyện. Tạo điều kiện thuận lợi để các trường tổ chức các lớp dạy song ngữ đối với một số môn học trong nhà trường.

Tiên phong trong thực hiện chuyển đổi số; tăng cường đầu tư hạ tầng số, trang thiết bị đồng bộ, hiện đại đảm bảo an toàn thông tin để vận hành hệ thống quản lý và tổ chức dạy-học. Xây dựng thí điểm một số phòng học hiện đại hướng đến phát triển mô hình trường học thông minh.

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu quản lý giáo dục, cảnh báo thông minh trên hệ thống tổng hợp thông tin, quản lý, chia sẻ dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định của Ủy ban nhân dân huyện (DSS). Phát triển học liệu số (phục vụ dạy - học, kiểm tra, đánh giá, tham khảo, nghiên cứu khoa học) ở tất cả các môn học, cấp học, bậc học; hình thành kho học liệu số, học liệu mở dùng chung toàn huyện, xây dựng và khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở, đặc biệt giáo viên khai thác sử dụng có hiệu quả kho bài giảng E-learning, kho học liệu số của ngành phục vụ nhu cầu tự học và đổi mới, sáng tạo trong hoạt động dạy và học. Triển khai mạng xã hội giáo dục có sự kiểm soát và định hướng thống nhất, tạo môi trường số kết nối, chia sẻ giữa cơ quan quản lý giáo dục, nhà trường, gia đình, giáo viên và học sinh.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan thường trực tham mưu tổ chức thực hiện Kế hoạch, phối hợp với các cấp, các ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện ban hành các kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

- Tích cực tham mưu với Huyện ủy, HĐND, UBND huyện những vấn đề về giáo dục - đào tạo đảm bảo đúng, trúng, kịp thời, hiệu quả; công khai mục tiêu, các chỉ tiêu giáo dục và coi đó là cam kết bảo đảm chất lượng của cả hệ thống và từng cơ sở giáo dục - đào tạo; là căn cứ giám sát, đánh giá chất lượng giáo dục và đào tạo của mỗi cơ sở giáo dục thuộc huyện.

- Tham mưu xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án theo năm học, theo giai đoạn; ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục theo chức năng của phòng chuyên môn; phối hợp để thực hiện hiệu quả công tác giáo dục và đào tạo, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ các năm học và Đề án.

- Phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân huyện công tác tuyển dụng, điều động, luân chuyển, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng CBQL, giáo viên đúng yêu cầu, quy định.

- Phối hợp Phòng Tài nguyên - Môi trường; Phòng Kinh tế - Hạ tầng; Phòng Tài chính - Kế hoạch, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tham mưu Ủy ban nhân dân huyện trong việc quy hoạch quỹ đất, khảo sát và đề xuất xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất cho các trường học.

- Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Đề án để bổ sung, điều chỉnh cũng như đề ra giải pháp, chính sách đồng bộ, đảm bảo thực hiện tốt Đề án phù hợp với thực tiễn địa phương; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện Đề án báo cáo UBND huyện.

2. Phòng Nội vụ

Chủ động phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện:

- Rà soát, đánh giá để bổ sung, xây dựng cơ chế nhằm phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, tâm huyết với công việc, vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ, đủ sức đáp ứng yêu cầu đổi mới của ngành giáo dục;

- Tham mưu tuyển dụng bổ sung đội ngũ giáo viên, nhân viên đảm bảo theo quy định của Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ, Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập cho các đơn vị trường học trên địa bàn quận.

- Tham mưu thực hiện luân chuyển cán bộ quản lý, điều động giáo viên, tạo động lực phát huy tối đa nội lực của đội ngũ; thí điểm thi tuyển các chức danh cán bộ quản lý các trường và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện.

- Xây dựng phương án đội ngũ trường học trọng điểm chất lượng cao; cơ chế thu hút đội ngũ tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc tại các trường sư phạm đầu ngành tham gia giảng dạy tại huyện.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Phối hợp với các phòng chuyên môn tham mưu HĐND, Ủy ban nhân dân huyện tăng đầu tư ngân sách cho phát triển giáo dục; tạo điều kiện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho các trường đúng trọng tâm, trọng điểm, thích ứng, đảm bảo chất lượng và ngày càng đáp ứng yêu cầu dạy, học và phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo; Từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin; đầu tư kinh phí cho công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ, tổ chức các Hội thi, cuộc thi của cán bộ,

giáo viên, nhân viên, học sinh giỏi.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện đề xuất chủ trương đầu tư các dự án, công trình giáo dục; sửa chữa duy tu tài sản công đảm bảo phù hợp với quy định và nhu cầu phát triển giáo dục của huyện.

- Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các nhà trường đẩy mạnh công tác xã hội hóa, sử dụng có hiệu quả nguồn xã hội hóa giáo dục; huy động các nguồn lực để thúc đẩy phát triển giáo dục và đào tạo.

- Tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện xây dựng cơ chế, tạo điều kiện thuận lợi nhất để khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục tư thục, nhất là bậc học mầm non. Huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư hiệu quả thực hiện đề án phát triển giáo dục và đào tạo, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia và tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học nhằm đảm bảo điều kiện vật chất đáp ứng yêu cầu của giáo dục và đào tạo.

- Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra các trường thực hiện quản lý tài chính, tài sản theo quy định hiện hành.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện về nguồn lực đầu tư trường học trọng điểm chất lượng cao.

4. Phòng Kinh tế - Hạ tầng

- Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, các địa phương thực hiện quy hoạch đất tổng thể dành cho giáo dục hàng năm và giai đoạn 2023 - 2030, khảo sát nhu cầu xây dựng, sửa chữa trường học hàng năm; đề xuất phương án xây dựng đáp ứng yêu cầu giáo dục và phù hợp điều kiện thực tế của địa phương.

- Tham mưu quy hoạch trường học trọng điểm chất lượng cao tại huyện.

5. Phòng Tài nguyên - Môi trường

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện hướng dẫn các xã, thị trấn và các trường học về quy hoạch, sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường học.

- Chủ động phối hợp với các phòng, ban liên quan bám sát các Sở, Ngành đề trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt các khu đất để xây dựng thêm các trường học công lập.

- Tham mưu bố trí, ưu tiên quỹ đất cho giáo dục đến năm 2023.

6. Đề nghị các Ban xây dựng Đảng Huyện ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội

- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị và các tầng lớp nhân dân về các nội dung Đề án.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và đoàn thể chính trị - xã hội huyện tham gia phản biện và góp ý những nội dung liên quan đến Đề án; giám sát và

thông tin kịp thời cho các cấp ủy Đảng, cơ quan, đơn vị các nội dung giám sát và các nội dung góp ý được tiếp nhận, tiếp thu từ các tổ chức và nhân dân liên quan đến nội dung Đề án.

7. Đối với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về giáo dục theo phân cấp quản lý.

- Tuyên truyền sâu rộng và thường xuyên các chỉ thị, nghị quyết về giáo dục - đào tạo đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Xây dựng Nghị quyết chuyên đề, Chương trình hành động phát triển giáo dục và đào tạo; hàng năm, đưa nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo vào chương trình, nhiệm vụ lãnh đạo và tổ chức thực hiện tại địa phương.

- Chỉ đạo thực hiện và quản lý hiệu quả nguồn kinh phí xã hội hóa cho giáo dục đào tạo. Động viên các tổ chức, cá nhân có điều kiện tham gia xã hội hóa trong công tác giáo dục đào tạo nhằm từng bước chuẩn hóa, đồng bộ cơ sở vật chất đáp ứng ngày càng tốt hơn công tác dạy và học.

- Rà soát quy hoạch, bố trí bổ sung ưu tiên quỹ đất cho giáo dục và đào tạo.

8. Các cơ sở giáo dục mầm non, các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên

- Lãnh đạo các đơn vị nâng cao tinh thần trách nhiệm, xác định nhiệm vụ thực hiện Đề án phát triển giáo dục và đào tạo huyện đến năm 2030 là nhiệm vụ trọng tâm then chốt của nhà trường, căn cứ vào tình hình thực tế để xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện cụ thể cho từng nội dung, phát huy tính dân chủ, vai trò của các tổ chức đoàn thể.

- Xây dựng môi trường sư phạm dân chủ, bình đẳng, môi trường giáo dục lành mạnh, có các giải pháp thích hợp để các tổ chức hoạt động nền nếp, hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục mũi nhọn; giáo dục hướng nghiệp và phân luồng. Đẩy mạnh các hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm qua đó lồng ghép giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, giá trị sống, kỹ năng sống cho học sinh nhằm giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân.

- Thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa giáo dục, xây dựng cơ chế phối hợp và phát huy tốt vai trò nhà trường - gia đình - xã hội; tuyên truyền, phối hợp với địa phương, nhân dân trên địa bàn, Ban đại diện cha mẹ học sinh, Hội Khuyến học để thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo.

Phần thứ năm
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Huyện An Dương là cửa ngõ phía Tây Bắc của thành phố Hải Phòng, là trung tâm công nghiệp, công nghệ cao của thành phố, có vị trí hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng. Quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có tác động mạnh mẽ ở tất cả các bậc học từ mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên. Mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn. Chất lượng giáo dục đại trà được nâng cao, số lượng giáo viên giỏi và học sinh giỏi tăng; đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Cơ sở vật chất các trường học được thường xuyên quan tâm đầu tư xây mới và cải tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh; huyện An Dương là đơn vị đầu tiên của thành phố có 100% các trường công lập đạt chuẩn quốc gia.

Do áp lực dân số cơ học tăng nhanh, yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn chuyển đổi đơn vị hành chính quận tại huyện, đòi hỏi ngành giáo dục và đào tạo phải lựa chọn các ưu tiên phát triển mang tính đột phá mới có thể thực hiện được sứ mạng đến năm 2030. Đó chính là hoàn thiện quy hoạch tổng thể, mạng lưới trường học phù hợp điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, xây dựng trường học trọng điểm chất lượng cao theo xu hướng giáo dục thông minh, mô hình trường học tiên tiến theo xu thế hội nhập quốc tế; phấn đấu đến năm 2030, An Dương trở thành trọng điểm phát triển giáo dục của thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Việt Hùng

BẢNG SỐ LIỆU KÈM THEO ĐỀ ÁN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG**

BIỂU 01A: HIỆN TRẠNG MẠNG LƯỚI QUY MÔ CÁC TRƯỜNG MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

TT	Tên trường	Số trẻ trong độ tuổi điều tra đến tháng 12/2023			Hiện trạng đến tháng 12 năm 2023																
		Tổng	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Số điểm trường	Diện tích đất hiện có (m ²)	Diện tích đất đã mở rộng (m ²)	Diện tích m ² /HS	Diện tích đất cần bổ sung (m ²)	Số lớp			Số trẻ (Tỷ lệ huy động nhà trẻ 35,10 %; mẫu giáo 100%)			Phòng học hiện có			Phòng chức năng (hành chính quản trị, tổ chức ăn, phụ trợ)		
										Tổng	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Tổng	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Hiện có	Tỷ lệ phòng học/lớp	Còn thiếu	Hiện có	Còn thiếu	
I	Bậc mầm non	16.009	5.726	10.283	74	160.518	19.672	10.025	12.448	418	91	327	12.319	2.010	10.309	418	1,00	20	232	25	
	Công lập	16.009	5.726	10.283	34	134.971	19672	7.521	12.448	305	46	259	9.775	1.170	8.605	305	1,00	19	211	22	
1	MN Lê Thiện	950	343	607	4	5.528		291	1.297	19	3	16	525	65	460	19	1,00		13	2	
2	MN Tân Tiến	970	355	615	2	8.090	3.300	539		15	3	12	435	60	375	15	1,00		10	3	
3	MN Bắc Sơn	735	245	490	1	7.392		493		15	2	13	499	54	445	15	1,00	1	11	2	
4	MN Nam Sơn	952	294	658	1	3.983		249	2.977	16	2	14	580	61	519	16	1,00	3	11	2	
5	MN Hồng Phong	1025	414	611	2	14.350		718		20	2	18	634	64	570	20	1,00	0	15	0	
6	MN An Hòa	1278	506	772	3	10.440	2.550	497		21	2	19	725	56	669	21	1,00	2	15	0	
7	MN Đặng Cương	620	235	385	1	5.442		340	1.279	16	3	13	517	105	412	16	1,00	1	10	3	
8	MN Quốc Tuấn	586	208	378	2	10.956	3.200	685		16	4	12	419	73	346	16	1,00		14	1	
9	MN Hồng Thái	768	270	498	1	8.001		572		14	3	11	455	68	387	14	1,00	1	13	0	
10	MN Đồng Thái	863	252	611	3	9.630		535		18	3	15	664	90	574	18	1,00	4	12	1	
11	MN An Đồng 1	1985	740	1245	4	6.934	250	267	3.818	26	3	23	896	78	818	26	1,00	3	14	3	
12	MN An Đồng 2	927	350	577	2	4.337	1.350	289	2.023	15	2	13	530	51	479	15	1,00	2	15	0	

TT	Tên trường	Số trẻ trong độ tuổi điều tra đến tháng 12/2023			Hiện trạng đến tháng 12 năm 2023															
		Tổng	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Số điểm trường	Diện tích đất hiện có (m ²)	Diện tích đã mở rộng (m ²)	Diện tích m ² /HS	Diện tích đất cần bổ sung (m ²)	Số lớp			Số trẻ (Tỷ lệ huy động nhà trẻ 35,10 %; mẫu giáo 100%)			Phòng học hiện có			Phòng chức năng (hành chính quản trị, tổ chức ăn, phụ trợ)	
										Tổng	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Tổng	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Hiện có	Tỷ lệ phòng học/lớp	Còn thiếu	Hiện có	Còn thiếu
13	MN Lê Lợi	489	179	310	1	4.082		292	1.054	14	3	11	428	76	352	14	1,00		11	2
14	MN An Dương	752	250	502	1	5.818	1.182	416		14	2	12	512	73	439	14	1,00	3	10	3
15	MN Đại Bân	1266	420	846	3	14.126	7.000	523		27	3	24	826	76	750	27	1,00		14	
16	MN An Hưng	759	216	543	2	7.710	840	428		18	3	15	493	61	432	18	1,00		10	
17	MN An Hồng	1084	449	635	1	8.152		388		21	3	18	637	59	578	21	1,00		13	
	Ngoài công lập	0	0	0	40	25.547	0	2.505	0	113	45	68	2.544	840	1.704	113	1,00	1	21	3
1	MN Sao Mai				1	2.300		575		4	1	3	135	17	118	4	1,00		3	
2	MN Kim Đồng				1	240		48		5	1	4	145	27	118	5	1,00		2	1
3	MN Sao Sáng				2	805		50		16	4	12	427	98	329	16	1,00		6	
4	MN Sao Mai 2				1	603		151		4	1	3	90	30	60	4	1,00		2	1
5	MN Baby Stars				1	2.500		625		4	1	3	115	30	85	4	1,00		3	
6	MN Bé TM				1	2.500		357		7	2	5	175	44	131	7	1,00		2	1
7	MN ĐôRêmon				1	3.500		500		7	1	6	244	30	214	7	1,00	1	3	
8	Cơ sở lớp mầm non độc lập tư thực				32	13.099		198		66	34	32	1.213	564	649	66	1,00		3	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG**

BIỂU 01B: HIỆN TRẠNG MẠNG LƯỚI QUY MÔ CÁC TRƯỜNG HỌC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

TT	Tên trường	Năm học 2023-2024															
		Dân số độ tuổi điều	Số điểm trường	Diện tích đất (m ²)	Diện tích m ² /HS	Diện tích đã đất mở rộng	Diện tích còn thiếu	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Phòng học hiện có	Phòng học còn thiếu	Tỷ lệ phòng học/lớp	Phòng chức năng hiện có	Phòng chức năng còn	Phòng bộ môn hiện có	Phòng bộ môn còn
I	Bậc mầm non	16.009	42	147.419	13,27	19.672	12.448	352	11.106	31	352		1,00	232	25	0	0
	Công lập	16.009	34	134.971	13,81	19.672	12.448	305	9.775	32	305		1,00	211	22	0	0
1	MN Lê Thiện	950	4	5.528	10,53		1.297	19	525	28	19	13	1,00	13	2		
2	MN Tân Tiến	970	2	8.090	18,60	3.300		15	435	29	15	10	1,00	10	3		
3	MN Bắc Sơn	735	1	7.392	14,81			15	499	33	15	11	1,00	11	2		
4	MN Nam Sơn	952	1	3.983	6,87		2.977	16	580	36	16	11	1,00	11	2		
5	MN Hồng Phong	1.025	2	14.350	22,63			20	634	32	20	15	1,00	15	0		
6	MN An Hòa	1.278	3	10.440	14,40	2.550		21	725	35	21	15	1,00	15	0		
7	MN Đặng Cương	620	1	5.442	10,53		1.279	16	517	32	16	10	1,00	10	3		
8	MN Quốc Tuấn	586	2	10.956	26,15	3.200		16	419	26	16	14	1,00	14	1		
9	MN Hồng Thái	768	1	8.001	17,58			14	455	33	14	13	1,00	13	0		
10	MN Đồng Thái	863	3	9.630	14,50			18	664	37	18	12	1,00	12	1		
11	MN An Đồng 1	1.985	4	6.934	7,74	250	3.818	26	896	34	26	14	1,00	14	3		
12	MN An Đồng 2	927	2	4.337	8,18	1.350	2.023	15	530	35	15	15	1,00	15	0		
13	MN Lê Lợi	489	1	4.082	9,54		1.054	14	428	31	14	11	1,00	11	2		
14	MN An Dương	752	1	5.818	11,36	1.182		14	512	37	14	10	1,00	10	3		
15	MN Đại Bản	1.266	3	14.126	17,10	7.000		27	826	31	27	14	1,00	14			

TT	Tên trường	Năm học 2023-2024															
		Dân số độ tuổi điều	Số điểm trường	Diện tích đất (m ²)	Diện tích m ² /HS	Diện tích đã đất mở rộng	Diện tích còn thiếu	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Phòng học hiện có	Phòng học còn thiếu	Tỷ lệ phòng học/lớp	Phòng chức năng hiện có	Phòng chức năng còn	Phòng bộ môn hiện có	Phòng bộ môn còn
16	MN An Hưng	759	2	7.710	15,64	840		18	493	27	18	10	1,00	10			
17	MN An Hồng	1.084	1	8.152	12,80			21	637	30	21	13	1,00	13			
	Ngoài công lập	0	8	12.448	9,35	0	0	47	1.331	28	47	21	1,00	21	3	0	0
1	MN Sao Mai		1	2.300	17,04			4	135	34	4	3	1,00	3			
2	MN Kim Đồng		1	240	1,66			5	145	29	5	2	1,00	2	1		
3	MN Sao Sáng		2	805	1,89			16	427	27	16	6	1,00	6			
4	MN Sao Mai 2		1	603	6,70			4	90	23	4	2	1,00	2	1		
5	MN Baby Stars		1	2.500	21,74			4	115	29	4	3	1,00	3			
6	MN Bé TM		1	2.500	14,29			7	175	25	7	2	1,00	2	1		
7	MN ĐôRêmon		1	3.500	14,34			7	244	35	7	3	1,00	3			
8	Cơ sở lớp mầm non độc lập tư thục		32	13.099	10,80			66	1.213	18	66	3		3			

TT	Tên trường	Năm học 2023-2024															
		Dân số độ tuổi điều	Số điểm trường	Diện tích đất (m ²)	Diện tích m ² /HS	Diện tích đã đất mở rộng	Diện tích còn thiếu	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Phòng học hiện có	Phòng học còn thiếu	Tỷ lệ phòng học/lớp	Phòng chức năng hiện có	Phòng chức năng còn	Phòng bộ môn hiện có	Phòng bộ môn còn
II	Tiểu học	17.214	26	146.024	7,96	8.341	41.908	488	18.348	38	471	70	0,97	120	42	42	32
1	TH Lê Thiện	1.086	2	7.725	7,89		2.065	25	979	39	25	10	1,00	12		2	
2	TH Tân Tiến	1.085	2	10.532	7,71	5.341	3.128	33	1.366	41	33	10	1,00	9	3	2	4
3	TH Bắc Sơn	756	1	7.500	9,26		600	23	810	35	20	10	0,87	9	3	2	4
4	TH Nam Sơn	1.008	1	5.933	4,63		6.877	34	1.281	38	26	5	0,76	5	7	2	4
5	TH Hồng Phong	1.120	3	11.498	10,46			34	1.099	32	34		1,00	12		6	
6	TH An Hòa	1.189	3	13.650	11,49			32	1.188	37	32		1,00	12		6	
7	TH Đặng Cương	683	1	8.469	9,21		731	25	920	37	25		1,00	7	5	6	
8	TH Quốc Tuấn	642	1	6.547	12,06	3.000		16	543	34	16		1,00	12		6	
9	TH Hồng Thái	926	1	8.440	9,11		820	27	926	34	27	5	1,00	7	5	3	3
10	TH Đồng Thái	1.151	1	8.602	7,18		3.378	32	1.198	37	32	5	1,00	6	6	2	4
11	TH An Đồng	2.354	3	11.615	6,01		7.695	48	1.931	40	42	15	0,88	10	8	3	3
12	TH Lê Lợi	567	1	5.940	10,03			18	592	33	18		1,00	10	2	1	5
13	TH An Dương	924	1	6.879	5,35		5.981	26	1.286	49	26	10	1,00	9	3	1	5
14	TH Đại Bản 1	874	1	6.234	6,71		3.056	26	929	36	26		1,00	10		4	
15	TH Đại Bản 2	789	2	9.417	11,24			23	838	36	23		1,00	0		4	
16	TH An Hưng	973	1	8.491	7,33		3.099	33	1.159	35	33		1,00	8		4	
17	TH An Hồng	1.087	1	8.552	6,56		4.478	33	1.303	39	33		1,00	8		5	

TT	Tên trường	Năm học 2023-2024															
		Dân số độ tuổi điều	Số điểm trường	Diện tích đất (m ²)	Diện tích m ² /HS	Diện tích đã đất mở rộng	Diện tích còn thiếu	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Phòng học hiện có	Phòng học còn thiếu	Tỷ lệ phòng học/lớp	Phòng chức năng hiện có	Phòng chức năng còn	Phòng bộ môn hiện có	Phòng bộ môn còn
III	Trung học cơ sở	14367	17	137.279	9,28	11.852	31.278	351	14.797	42	340	32	0,97	142	22	80	11
1	THCS Lê Thiện	883	1	4.280	5,43		3.600	18	788	44	12		0,67	10		8	
2	THCS Tân Tiến	974	1	11.672	9,75			28	1.197	43	28	2	1,00	5		3	
3	THCS Bắc Sơn	779	2	8.057	12,17	2.000		17	662	39	13	4	0,76	10	6	4	
4	THCS Nam Sơn	818	1	6.652	6,01		4.418	25	1.107	44	25	10	1,00	17	10	6	5
5	THCS Hồng Phong	993	1	12.250	12,94			23	947	41	23		1,00	11		4	
6	THCS An Hòa	990	1	6.300	6,70		3.000	23	940	41	23		1,00	10		4	
7	THCS Đặng Cương	633	1	6.100	8,83		810	17	691	41	17		1,00	10		4	
8	THCS Quốc Tuấn	627	1	11.300	20,14	2.438		15	561	37	15		1,00	4	6	8	6
9	THCS Hồng Thái	749	1	12.181	17,18			17	709	42	16	3	0,94	6		4	
10	THCS Đồng Thái	849	1	9.277	10,69			20	868	43	38		1,90	9		3	
11	THCS An Đồng	1.440	1	14.250	13,77			25	1.035	41	32		1,28	12		8	
12	THCS Lê Lợi	475	1	6.140	13,20			13	465	36	13		1,00	12		4	
13	THCS An Dương	950	1	7.550	5,92		5.210	29	1.276	44	18	13	0,62	5		8	
14	THCS Đại Bản	1.348	1	7.641	5,39	7.414	6.539	32	1.418	44	18		0,56	11		7	
15	THCS An Hưng	906	1	8.559	8,15		1.941	24	1.050	44	24		1,00	10		3	
16	THCS An Hồng	953	1	5.070	4,68		5.760	25	1.083	43	25		1,00	0		2	
IV	Trung học phổ thông	0	4	51.750	7,43	0	15.930	156	6.964	45	112		0,72	38	20	21	20
	<i>Công lập</i>	<i>0</i>	<i>2</i>	<i>33.750</i>	<i>6,79</i>	<i>0</i>	<i>15.930</i>	<i>111</i>	<i>4.968</i>	<i>45</i>	<i>65</i>		<i>0,59</i>	<i>20</i>	<i>20</i>	<i>10</i>	<i>20</i>
1	THPT An Dương		1	12.860	5,10		12.360	56	2.522	45	35	30	0,63	10	10	4	10
2	THPT Nguyễn Trãi		1	20.890	8,54		3.570	55	2.446	44	30		0,55	10	10	6	10

TT	Tên trường	Năm học 2023-2024															
		Dân số độ tuổi điều	Số điểm trường	Diện tích đất (m ²)	Diện tích m ² /HS	Diện tích đã đất mở rộng	Diện tích còn thiếu	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Phòng học hiện có	Phòng học còn thiếu	Tỷ lệ phòng học/lớp	Phòng chức năng hiện có	Phòng chức năng còn	Phòng bộ môn hiện có	Phòng bộ môn còn
	<i>Ngoài công lập</i>	0	2	18.000	9,02	0	0	45	1.996	44	47	6	1,04	18		11	
1	THPT An Hải		1	10.000	7,56			29	1.323	46	29	4	1,00	12		10	
2	THPT Tân An		1	8.000	11,89			16	673	42	18	2	1,13	6		1	
V	GDNN&GDTX	0	2	4.564	10,64	0	0	10	429	43	12	0	1,20	6	0	2	0
1	TT GDNN&GDTX		2	4.564	10,64			10	429	43	12	0	1,20	6		2	
Tổng toàn huyện		47.590	91	487.036	9,43	39.865	101.563	1357	51.644	38	1287	102	0,95	538	109	145	63

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG**

BIỂU 02A: QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI QUY MÔ CÁC TRƯỜNG HỌC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẾN NĂM 2025

TT	Tên trường	Quy hoạch đến năm 2025										Quy hoạch đến 2030
		Dân số độ tuổi điều tra	Số điểm trường	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Diện tích cần bổ sung (m ²)	Phòng học cần bổ sung	Phòng chức năng cần bổ sung	Phòng bộ môn cần bổ sung	Nhà đa năng cần xây mới	Mở rộng/xây khu mới
I	Bậc mầm non	13295,3	41	344	9.887	32	21.738	70	60	0	0	
	Công lập	13.295	34	304	8.773	33	21.738	65	60	0	0	
1	MN Lê Thiện	969	4	25	724	29	3.886	6	4			
2	MN Tân Tiến	989	2	16	453	29		1	5			Mở rộng 3.300 m ² khu Do Nha
3	MN Bắc Sơn	750	1	19	555	29		4	5			Quy hoạch khu mới thôn 1 rộng 7.000 m ²
4	MN Nam Sơn	971	1	25	731	29	5.522	9	5			Mở rộng sang khu đất trạm y tế rộng 2.039 m ² ; xây điểm trường mới rộng 10.489m ² tại Cách Hạ
5	MN Hồng Phong	1.066	2	30	851	29		10	4			
6	MN An Hòa	1.330	3	35	1.011	29	2.708	14	0			
7	MN Đặng Cương	645	1	18	523	29	1.354	2	5			Mở rộng 2.000 m ² phía sau trường
8	MN Quốc Tuấn	598	2	17	492	29		1	6			
9	MN Hồng Thái	783	1	18	526	29		4	0			Mở rộng 2.800 m ² bên cạnh trường
10	MN Đồng Thái	880	3	23	682	29		5	4			Mở rộng 2.600 m ² phía sau trường
11	MN An Đồng 1	2.065	4	27	796	29	3.417	1	6			Mở rộng 4.000 m ² phía sau trường khu Văn Cú
12	MN An Đồng 2	964	2	17	502	30	2.194	2	1			
13	MN Lê Lợi	509	1	14	416	29	1.321	0	7			Mở rộng 7.246 m ² bên cạnh trường
14	MN An Dương	775	1	18	511	29	1.335	4	8			Mở rộng 1.200 m ² khu nhà Văn hóa

TT	Tên trường	Quy hoạch đến năm 2025										Quy hoạch đến 2030
		Dân số độ tuổi điều tra	Số điểm trường	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Diện tích cần bổ sung (m ²)	Phòng học cần bổ sung	Phòng chức năng cần bổ sung	Phòng bộ môn cần bổ sung	Nhà đa năng cần xây mới	Mở rộng/xây khu mới
15	MN Đại Bản		3									Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng
16	MN An Hưng		2									Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng
17	MN An Hồng		1									Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng
	<i>Ngoài công lập</i>	0	7	40	1.114	28	0	5	0	0	0	0
1	MN Sao Mai		1	5	135	27		5				
2	MN Kim Đồng		1	5	145	29		0				
3	MN Sao Sáng		1	8	210	26		0				
4	MN Sao Mai 2		1	4	90	23		0				
5	MN Baby Stars		1	4	115	29		0				
6	MN Bé TM		1	7	175	25		0				
7	MN ĐôRêmon		1	7	244	35		0				
8	Cơ sở lớp mầm non độc lập tư thực		27	60	1.015	17						

TT	Tên trường	Quy hoạch đến năm 2025										Quy hoạch đến 2030
		Dân số độ tuổi điều tra	Số điểm trường	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Diện tích cần bổ sung (m ²)	Phòng học cần bổ sung	Phòng chức năng cần bổ sung	Phòng bộ môn cần bổ sung	Nhà đa năng cần xây mới	Mở rộng/xây khu mới
II	Tiểu học	14.150	21	401	15.228	38	47.689	70	41	32	3	0
1	TH Lê Thiện	1.108	2	27	1.059	39	5.000	10				
2	TH Tân Tiến	1.129	2	35	1.446	41	5.341	10	6	4	1	Mở rộng sang khu mới 5.341 m ²
3	TH Bắc Sơn	771	1	25	890	36		10	6	4		
4	TH Nam Sơn	1.049	1	36	1.361	38	2.366	5	6	4		Mở rộng 2.366 m ² khu B trường THCS và 4.260 m ² phía sau trường
5	TH Hồng Phong	1.165	3	36	1.179	33						
6	TH An Hòa	1.237	3	34	1.268	37						
7	TH Đặng Cương	711	1	27	1.000	37						Mở rộng 1.600m ² phía sau nhà trường
8	TH Quốc Tuấn	655	1	18	623	35					1	Mở rộng 3.900 m ² bên cạnh trường
9	TH Hồng Thái	945	1	29	1.006	35	4.000	5	6	4		Mở rộng 3.400 m ² bên cạnh trường
10	TH Đồng Thái	1.198	1	34	1.278	38		5	6	4		
11	TH An Đồng	2.449	3	50	2.000	40	8.500	15	11	12		Mở rộng 4.600 m ² ở khu Vĩnh Khê
12	TH Lê Lợi	590	1	20	672	34						
13	TH An Dương	1.145	1	30	1.446	48	22.482	10				Mở rộng 7.482 m ² khu trường THCS và 15.000 m ² đất trống phía sau 2 trường
14	TH Đại Bản 1					0						Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng
15	TH Đại Bản 2					0						Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng
16	TH An Hưng					0					1	Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng
17	TH An Hồng					0						Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng

TT	Tên trường	Quy hoạch đến năm 2025										Quy hoạch đến 2030
		Dân số độ tuổi điều tra	Số điểm trường	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Diện tích cần bổ sung (m ²)	Phòng học cần bổ sung	Phòng chức năng cần bổ sung	Phòng bộ môn cần bổ sung	Nhà đa năng cần xây mới	Mở rộng/xây khu mới
III	Trung học cơ sở	12.627	13	297	13.365	45	48.000	31	22	11	6	0
1	THCS Lê Thiện	901	1	20	900	45	15.000					Xây mới điểm trường THCS khu Dụ Nghĩa 7.000 m ²
2	THCS Tân Tiến	1.169	1	30	1.350	45		2			1	
3	THCS Bắc Sơn	818	1	19	855	45		4	6		1	
4	THCS Nam Sơn	1.120	1	28	1.260	45	8.000	10	10	5	1	Mở rộng 8.402 m ² khu đất phía sau
5	THCS Hồng Phong	1.192	1	26	1.170	45						
6	THCS An Hòa	1.010	1	25	1.125	45						Quy hoạch mở rộng diện tích 6.300 m ²
7	THCS Đặng Cương	760	1	18	810	45						Mở rộng diện tích đất về phía đường Nguyễn Trường Tộ
8	THCS Quốc Tuấn	640	1	17	765	45			6	6	1	
9	THCS Hồng Thái	764	1	18	810	45		2			1	
10	THCS Đồng Thái	934	1	22	990	45						
11	THCS An Đồng	1.469	1	28	1.260	45					1	
12	THCS Lê Lợi	713	1	15	675	45						
13	THCS An Dương	1.140	1	31	1.395	45	25.000	13				Quy hoạch khu mới 25.000 m ² tại khu đất Lê Lợi
14	THCS Đại Bản					0						Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng
15	THCS An Hưng					0						Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng
16	THCS An Hồng					0						Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng

TT	Tên trường	Quy hoạch đến năm 2025										Quy hoạch đến 2030
		Dân số độ tuổi điều tra	Số điểm trường	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Diện tích cần bổ sung (m ²)	Phòng học cần bổ sung	Phòng chức năng cần bổ sung	Phòng bộ môn cần bổ sung	Nhà đa năng cần xây mới	Mở rộng/xây khu mới
IV	Trung học phổ thông	0	4	113	5.085	45	40.620	36	10	10	0	
	<i>Công lập</i>	0	2	60	2.700	45	30.000	30	10	10	0	
1	THPT An Dương	0	2	60	2.700	45	30.000	30	10	10		Xây dựng phân hiệu 2 rộng 32.600 m ² tại xã Hồng Phong
2	THPT Nguyễn Trãi	0				0						Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng
	<i>Ngoài công lập</i>	0	2	53	2.385	45	10.620	6	0	0	0	0
1	THPT An Hải	0	1	33	1.485	45	7.820	4				
2	THPT Tân An	0	1	20	900	45	2.800	2				
V	GDNN&GDTX	0	2	12	540	45	0	0	0	0	0	0
1	TT GDNN&GDTX	0	2	12	540	45		0				
Tổng toàn huyện		48.242	81	1.167	44.105	39	158.047	207	133	53	9	0

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG**

BIỂU 02B: QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI QUY MÔ CÁC TRƯỜNG HỌC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẾN NĂM 2030

TT	Tên trường	Quy hoạch đến năm 2030										Quy hoạch đến 2030
		Dân số độ tuổi điều tra	Số điểm trường	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Diện tích cần bổ sung (m ²)	Phòng học cần bổ sung	Phòng chức năng cần bổ sung	Phòng bộ môn cần bổ sung	Nhà đa năng cần xây mới	Mở rộng/xây khu mới
I	Bậc mầm non	14.364	33	405	11.537	63	46.296	84	30.424	61	22	
	Công lập	14.364	26	365	10.423	35	46.296	84	30.424	61	14	
1	MN Lê Thiện	1.019	2	29	820	29	5.000	10	4.310	4	2	
2	MN Tân Tiến	1.040	2	20	552	28	0	4		4	2	Mở rộng 3.300 m ² khu Do Nha
3	MN Bắc Sơn	788	2	22	626	29	5.000	10	1.139	3	2	Quy hoạch khu mới thôn 1 rộng 7.000 m ²
4	MN Nam Sơn	1.021	2	29	820	29	10.000	10	5.861	3	2	Mở rộng sang khu đất trạm y tế rộng 2.039 m ² ; xây điểm trường mới rộng 10.489m ² tại Cách Hạ
5	MN Hồng Phong	1.177	2	36	1.011	28				6		
6	MN An Hòa	1.468	2	43	1.210	28			4.075	7		
7	MN Đặng Cương	712	1	22	618	28	5.000	1.970		4	2	Mở rộng 2.000 m ² phía sau trường
8	MN Quốc Tuấn	628	2	19	550	28		10		2		
9	MN Hồng Thái	823	1	21	602	29	3.000			3		Mở rộng 2.800 m ² bên cạnh trường
10	MN Đồng Thái	925	2	26	761	29		10		3		Mở rộng 2.600 m ² phía sau trường
11	MN An Đồng 1	2.280	2	38	1.099	29	10.000	10	6.249	11	2	Mở rộng 4.000 m ² phía sau trường khu Văn Cú
12	MN An Đồng 2	1.065	4	22	644	29	8.296	8	3.392	5	2	
13	MN Lê Lợi	562	1	17	490	28	0	3	1.795	3		Mở rộng 7.246 m ² bên cạnh trường
14	MN An Dương	855	1	22	621	28		10	1.632	4		Mở rộng 1.200 m ² khu nhà Văn hóa

TT	Tên trường	Quy hoạch đến năm 2030										Quy hoạch đến 2030
		Dân số độ tuổi điều tra	Số điểm trường	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Diện tích cần bổ sung (m ²)	Phòng học cần bổ sung	Phòng chức năng cần bổ	Phòng bộ môn cần bổ sung	Nhà đa năng cần xây mới	Mở rộng/xây khu mới
15	MN Đại Bản											Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng
16	MN An Hưng											Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng
17	MN An Hồng											Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng
	<i>Ngoài công lập</i>	0	7	40	1.114	28	0	0	0	0	8	
1	MN Sao Mai		1	5	135	27						
2	MN Kim Đồng		1	5	145	29						
3	MN Sao Sáng		1	8	210	26						
4	MN Sao Mai 2		1	4	90	23						
5	MN Baby Stars		1	4	115	29						
6	MN Bé TM		1	7	175	25						
7	MN ĐôRêmon		1	7	244	35					8	
8	Cơ sở lớp mầm non độc lập tư thực		27	60	1.015	17						

TT	Tên trường	Quy hoạch đến năm 2030										Quy hoạch đến 2030
		Dân số độ tuổi điều tra	Số điểm trường	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Diện tích cần bổ sung (m ²)	Phòng học cần bổ sung	Phòng chức năng cần bổ sung	Phòng bộ môn cần bổ sung	Nhà đa năng cần xây mới	Mở rộng/xây khu mới
II	Tiểu học	16.981	19	471	16.485	35	49.500	98	23	20	8	
1	TH Lê Thiện	1.329	2	33	1.155	35	5.000	8				
2	TH Tân Tiến	1.355	2	39	1.365	35						Mở rộng sang khu mới 5.341 m ²
3	TH Bắc Sơn	925	1	30	1.050	35	15.000	10	6	4		
4	TH Nam Sơn	1.258	1	40	1.400	35	5.000	10	6	4	1	Mở rộng 2.366 m ² khu B trường THCS và 4.260 m ² phía sau trường
5	TH Hồng Phong	1.398	2	40	1.400	35		10			1	
6	TH An Hòa	1.484	2	40	1.400	35					1	
7	TH Đặng Cương	853	1	30	1.050	35	5.000	10			1	Mở rộng 1.600m ² phía sau nhà trường
8	TH Quốc Tuấn	786	1	22	770	35						Mở rộng 3.900 m ² bên cạnh trường
9	TH Hồng Thái	1.134	1	33	1.155	35		10				Mở rộng 3.400 m ² bên cạnh trường
10	TH Đồng Thái	1.437	1	40	1.400	35	10.000	10			1	
11	TH An Đồng	2.939	3	60	2.100	35	9.500	20	11	12	2	Mở rộng 4.600 m ² ở khu Vĩnh Khê
12	TH Lê Lợi	708	1	25	875	35		10			1	
13	TH An Dương	1.374	1	39	1.365	35						Mở rộng 7.482 m ² khu trường THCS và 15.000 m ² đất trống phía sau 2 trường
14	TH Đại Bản 1				0							Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng
15	TH Đại Bản 2				0							Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng
16	TH An Hưng				0							Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng
17	TH An Hồng				0							Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng

TT	Tên trường	Quy hoạch đến năm 2030										Quy hoạch đến 2030
		Dân số độ tuổi điều tra	Số điểm trường	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Diện tích cần bổ sung (m ²)	Phòng học cần bổ sung	Phòng chức năng cần bổ	Phòng bộ môn cần bổ sung	Nhà đa năng cần xây mới	Mở rộng/xây khu mới
III	Trung học cơ sở	16.794	13	370	16.650	45	29.221	105	35	35	3	
1	THCS Lê Thiện	1.171	1	25	1.125	45	15.000	25	10	10	1	Xây mới điểm trường THCS khu Dụ Nghĩa 7.000 m ²
2	THCS Tân Tiến	1.519	1	35	1.575	45						
3	THCS Bắc Sơn	1.145	1	25	1.125	45	5.000	10	5	5		
4	THCS Nam Sơn	1.344	1	32	1.440	45		10	10	10		Mở rộng 8.402 m ² khu đất phía sau
5	THCS Hồng Phong	1.430	1	30	1.350	45		10				
6	THCS An Hòa	1.313	1	30	1.350	45	3.000	10				Quy hoạch mở rộng diện tích 6.300 m ²
7	THCS Đặng Cương	1.139	1	26	1.170	45	8.000	10				Mở rộng diện tích đất về phía đường Nguyễn Trường Tộ
8	THCS Quốc Tuấn	895	1	20	900	45		10	5	5		
9	THCS Hồng Thái	1.070	1	25	1.125	45		10	5	5		
10	THCS Đồng Thái	1.307	1	28	1.260	45	5.000				1	
11	THCS An Đồng	1.909	1	35	1.575	45		10				
12	THCS Lê Lợi	1.069	1	24	1.080	45					1	
13	THCS An Dương	1.482	1	35	1.575	45						Quy hoạch khu mới 25.000 m ² tại khu đất Lê Lợi
14	THCS Đại Bản	0			0							Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng
15	THCS An Hưng	0			0							Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng
16	THCS An Hồng	0			0							Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng

TT	Tên trường	Quy hoạch đến năm 2030										Quy hoạch đến 2030
		Dân số độ tuổi điều tra	Số điểm trường	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Diện tích cần bổ sung (m ²)	Phòng học cần bổ sung	Phòng chức năng cần bổ sung	Phòng bộ môn cần bổ sung	Nhà đa năng cần xây mới	Mở rộng/xây khu mới
IV	Trung học phổ thông	0	4	60	2.700	45	0	30	10	10	1	
	<i>Công lập</i>	0	2	60	2.700	45	0	30	10	10	1	
1	THPT An Dương		2	60	2.700	45		30	10	10	1	Xây dựng phân hiệu 2 rộng 32.600 m ² tại xã Hồng Phong
2	THPT Nguyễn Trãi	0										Từ năm 2025 chuyển về quận Hồng Bàng
	<i>Ngoài công lập</i>	0	2	0	0		0	0	0	0	0	
1	THPT An Hải		1									
2	THPT Tân An		1									
V	GDNN&GDTX	0	1	20	900	45	0	0	0	0	1	
1	TT GDNN&GDTX		1	20	900	45					1	
Tổng toàn huyện		48.138	70	1.326	48.272	40	125.017	317	30.492	126	35	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG**

BIỂU 03: NHU CẦU ĐẤT ĐAI CẢI TẠO, SỬA CHỮA, THÀNH LẬP MỚI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

TT	Bậc học/đơn vị	Dự báo dân số (10 phường)		Dân số độ tuổi học sinh điều tra (10 phường)		Diện tích đất hiện có (m ²)	Nhu cầu đất bổ sung (m ²)		Quy hoạch đất theo đồ án 1/2000 (m ²)	Quy hoạch đến năm 2030	Trường thành lập mới đến năm 2030	Ghi chú
		Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2025	Đến năm 2030		Đến năm 2025	Đến năm 2030				
TỔNG CỘNG		170.427	201.916			476.644	129.037	451.276	707.964		16	
1	Mầm non			13.295	14.364	134.233	30.423	162.632	257.100		5	Thành lập mới 05 trường mầm non tư thục ngoài công lập tại các đơn vị: An Đồng, Hồng Phong, Lê Lợi, Tân Tiến, Đặng Cương
2	Tiểu học			14.150	16.981	148.818	38.205	146.977	249.000			
3	THCS			12.627	16.794	137.279	25.225	117.103	197.300			
4	THPT					51.750	30.620	20.000			10	Thành lập mới 10 trường THPT đảm bảo mỗi phường có 01 trường THPT
5	TT GDNN&GDTX					4.564	4.564	4.564	4.564			
6	Trường liên cấp quốc tế					0		8.000			1	Thành lập mới trường liên cấp quốc tế tại xã Hồng Thái
<i>Chia theo phường</i>												
1	Lê Thiện	9.425	10.863	2.978	3.519	17.533	17.000	58.367	75.900		1	
1.1	Mầm non			969	1.019	5.528	5.000	16.872	22.400	Xây mới điểm trường mầm non khu Phú Xá 5.000 m ²		
1.2	Tiểu học			1.108	1.329	7.725	5.000	16.675	24.400	Xây mới điểm trường tiểu học khu Dụ Nghĩa 5.000 m ²		
1.3	THCS			901	1.171	4.280	7.000	9.220	13.500	Xây mới điểm trường THCS khu Dụ Nghĩa 7.000 m ²		

TT	Bậc học/đơn vị	Dự báo dân số (10 phường)		Dân số độ tuổi học sinh điều tra (10 phường)		Diện tích đất hiện có (m ²)	Nhu cầu đất bổ sung (m ²)		Quy hoạch đất theo đồ án 1/2000 (m ²)	Quy hoạch đến năm 2030	Trường thành lập mới đến năm 2030	Ghi chú
		Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2025	Đến năm 2030		Đến năm 2025	Đến năm 2030				
1.4	THPT					0		15.600	15.600	Xây mới trường THPT 15.600 m ²	1	
2	Tân Tiến	11.967	13.922	3.287	3.914	38.294	8.641	24.578	62.800		2	
2.1.	Mầm non			989	1040	8.090	3.300	8.210	16.300	Mở rộng sang khu đất trường tiểu học rộng 3.300 m ²	1	Thành lập mới 01 trường mầm non tư thục rộng 1.500 m ²
2.2.	Tiểu học			1.129	1.355	10.532	5.341	6.268	16.800	Mở rộng sang khu đất quy hoạch 6.000 m ²		
2.3	THCS			1.169	1.519	11.672			11.600			
2.4	THPT					8.000		10.100	18.100	Giữ nguyên trường THPT Tân An, xây dựng trường THPT công lập mới rộng 18.000 m ²	1	
3	Bắc Sơn + Nam Sơn	21.604	25.628	5.479	6.482	38.521	12.807	74.979	113.500		1	
3.1	Mầm non			1.721	1.809	10.983	2.039	37.317	48.300			
	MN Bắc Sơn			750	788	7.000		7.000		Quy hoạch khu mới rộng 7.000 m ²		
	MN Nam Sơn			971	1.021	3.983	2.039	18.604		Đến năm 2025: Mở rộng sang khu đất trạm y tế rộng 2.039 m ² Đến năm 2030, xây điểm trường mới rộng 10.489m ² tại Cách Hạ, điểm trường rộng 8.115m ² tại Quỳnh Hoàng		
3.2	Tiểu học			1.820	2.184	12.829	2.366	18.071	30.900			

TT	Bậc học/đơn vị	Dự báo dân số (10 phường)		Dân số độ tuổi học sinh điều tra (10 phường)		Diện tích đất hiện có (m ²)	Nhu cầu đất bổ sung (m ²)		Quy hoạch đất theo đồ án 1/2000 (m ²)	Quy hoạch đến năm 2030	Trường thành lập mới đến năm 2030	Ghi chú
		Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2025	Đến năm 2030		Đến năm 2025	Đến năm 2030				
	TH Bắc Sơn			771	925	7.500						
	TH Nam Sơn			1.049	1.258	5.329	2.366	4.260		Mở rộng 2.366 m ² khu B trường THCS và 4.260 m ² sau trường		
3.3	THCS			1.938	2.489	14.709	8.402	7.191	21.900			
	THCS Bắc Sơn			818	1.145	8.057						
	THCS Nam Sơn			1.120	1.344	6.652	8.402		Mở rộng 8.402 m ² khu đất phía sau			
3.4	THPT					0		12.400	12.400	Xây mới trường THPT 12.400 m ²	1	
4	Hồng Phong	13.514	15.864	3.423	4.006	38.098	32.600	22.152	93.300		2	
4.1	Mầm non			1.066	1.177	14.350		10.950	25.300	Xây điểm trường khu Hạ Đổ và đường Máy Chai (khu Hoàng Lô)	1	Thành lập mới 01 trường mầm non tư thục rộng 1.500 m ²
4.2	Tiểu học			1.165	1.398	11.498		8.202	19.700	Xây điểm trường khu Hạ Đổ 8.000 m ²		
4.3	THCS			1.192	1.430	12.250		3.000	15.700	Mở rộng thêm 3.450 m ² đất		
4.4	THPT					0	32.600		32.600	Xây dựng phân hiệu 2 trường THPT An Dương	1	Xây dựng phân hiệu 2 trường THPT An Dương rộng 32.600 m ²
5	An Hòa	12.431	14.306	3.576	4.265	30.390	6.300	19.150	47.100		1	
5.1	Mầm non			1.330	1.468	10.440		4.800	13.300	Xây dựng điểm trường Tỉnh Thủy khu mới rộng 4.800 m ² (bỏ điểm cũ)		

TT	Bậc học/đơn vị	Dự báo dân số (10 phường)		Dân số độ tuổi học sinh điều tra (10 phường)		Diện tích đất hiện có (m ²)	Nhu cầu đất bổ sung (m ²)		Quy hoạch đất theo đồ án 1/2000 (m ²)	Quy hoạch đến năm 2030	Trường thành lập mới đến năm 2030	Ghi chú
		Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2025	Đến năm 2030		Đến năm 2025	Đến năm 2030				
5.2	Tiểu học			1.237	1.484	13.650		750	14.400			
5.3	THCS			1.010	1.313	6.300	6.300	5.100	10.900	Đến năm 2025: quy hoạch mở rộng trường THCS diện tích 6.300 m ² ;		
5.4	THPT					0		8.500	8.500	Quy hoạch mở rộng trường THPT rộng 8500 m ² khu Hà Nhuận	1	
6	Đặng Cương + Quốc Tuấn	18.881	23.324	4.007	5.014	51.493	0	58.107	109.600		2	
6.1	Mầm non			1.243	1.340	15.679		15.221	30.900		1	
	MN Đặng Cương			645	712	5.442	1.600			Mở rộng 1.600m ² phía sau nhà trường Quy hoạch điểm mới khu Hòa Nhất rộng 3.330 m ² ; khu Chí Hiếu rộng 5.000 m ²	1	Thành lập mới 01 trường mầm non tư thục rộng 1.500 m ²
	MN Quốc Tuấn			598	628	10.237						
6.2	Tiểu học			1.365	1.639	18.414		17.286	35.700			
	TH Đặng Cương			711	853	8.469				Quy hoạch điểm mới khu Tự Lập rộng 6.200 m ² ; khu Chí Hiếu rộng 7.400 m ²		
	TH Quốc Tuấn			655	786	9.945				Mở rộng 3.900 m ² ; quy hoạch khu Kiều Hạ 4.800 m ²		
6.3	THCS			1.399	2.035	17.400		13.400	30.800			
	THCS Đặng Cương			760	1.139	6.100	5.000	6.000		Đến năm 2025: Mở rộng đất về đường Nguyễn Trường Tộ.		
	THCS Quốc Tuấn			640	895	11.300		2.000		Mở rộng 2.000 m ²		

TT	Bậc học/đơn vị	Dự báo dân số (10 phường)		Dân số độ tuổi học sinh điều tra (10 phường)		Diện tích đất hiện có (m ²)	Nhu cầu đất bổ sung (m ²)		Quy hoạch đất theo đồ án 1/2000 (m ²)	Quy hoạch đến năm 2030	Trường thành lập mới đến năm 2030	Ghi chú
		Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2025	Đến năm 2030		Đến năm 2025	Đến năm 2030				
6.4	THPT					0		12.200	12.200	Quy hoạch trường THPT khu Chí Hiếu rộng 6.000 m ²	1	
7	Hồng Thái	12.398	14.004	2.492	3.027	28.622	6.200	52.678	81.300	0	2	
7.1	Mầm non			783	823	8.001	2.800	12.499	20.500	Mở rộng 2.800 m ² bên cạnh trường; quy hoạch khu Kiêu Đông rộng 2.500 m ² ; khu Xích Thổ 5.000 m ²		
7.2	Tiểu học			945	1.134	8.440	3.400	19.360	27.800	Mở rộng 3.400 m ² bên cạnh trường; quy hoạch khu Hy Tái rộng 8.800 m ² ; khu Xích Thổ 8.000 m ²		
7.3	THCS			764	1.070	12.181		7.519	19.700	Mở rộng 2.000 m ² bên cạnh trường; quy hoạch khu Xích Thổ 5.600 m ²		
7.4	THPT					0		13.300	13.300	Quy hoạch trường THPT rộng 13.300 m ²	1	
7.5	Phổ thông liên cấp									Thành lập mới trường liên cấp quốc tế rộng 8.000 m ²	1	
8	Đông Thái	12.825	14.630	3.012	3.670	28.269	8.621	74.231	102.500		1	
8.1	Mầm non			880	925	10.390	2.600	25.810	36.200	Mở rộng 2.600 m ² phía sau trường; quy hoạch điểm mới khu Kiến Phong rộng 3.400 m ² , khu Hoàng Mai 4.900 m ²		
8.2	Tiểu học			1.198	1.437	8.602	2.498	21.898	30.500	Mở rộng 2.498 m ² phía sau trường; quy hoạch điểm mới khu Minh Kha rộng 19.471 m ²		

TT	Bậc học/đơn vị	Dự báo dân số (10 phường)		Dân số độ tuổi học sinh điều tra (10 phường)		Diện tích đất hiện có (m ²)	Nhu cầu đất bổ sung (m ²)		Quy hoạch đất theo đồ án 1/2000 (m ²)	Quy hoạch đến năm 2030	Trường thành lập mới đến năm 2030	Ghi chú
		Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2025	Đến năm 2030		Đến năm 2025	Đến năm 2030				
8.3	THCS			934	1.307	9.277	3.523	15.823	25.100	Mở rộng 3.523 m ² phía sau trường; quy hoạch điểm mới khu Minh Kha rộng 12.311 m ²		
8.4	THPT					0		10.700	10.700	Quy hoạch trường THPT tại thôn Hoàng Mai rộng 10.700 m ²	1	
9	An Đồng	40.058	47.853	9.977	11.538	35.612	10.838	68.788	104.400		2	
9.1	Mầm non			3.030	3.345	9.747	6.238	19.953	29.700		1	Thành lập mới 01 trường mầm non tư thục rộng 1.500 m ²
	MN An Đồng 1			2.065	2.280	6.685	4.000			Mở rộng 4.000 m ² phía sau trường khu Văn Cú; Quy hoạch điểm mới khu Vĩnh Khê rộng 10.699 m ² ; Trang Quan 2.282 m ²		
	MN An Đồng 2			964	1.065	3.062	2.238			Quy hoạch điểm mới khu An Dương rộng 8.775 m ²		
9.2	Tiểu học			2.449	2.939	11.615	4.600	22.985	34.600	Mở rộng 4.600 m ² ở khu Vĩnh Khê; quy hoạch điểm mới khu An Dương rộng 14.709 m ²		
9.3	THCS			1.469	1.909	14.250		16.750	31.000	Quy hoạch điểm mới khu Vĩnh Khê rộng 8.970 m ² ; khu Vân Tra 13.369 m ²		
9.4	THPT					0		9.100	9.100	Quy hoạch trường THPT tại điểm Vĩnh Khê rộng 9.100 m ²	1	
10	An Dương + Lê Lợi	17.324	21.522	4.871	6.050	65.832	23.446	65.582	72.924		1	
10.1	Mầm non			1.283	1.417	11.899	8.446	11.000	14.200		1	Thành lập mới 01 trường mầm non tư thục rộng 1.500 m ²

TT	Bậc học/đơn vị	Dự báo dân số (10 phường)		Dân số độ tuổi học sinh điều tra (10 phường)		Diện tích đất hiện có (m ²)	Nhu cầu đất bổ sung (m ²)		Quy hoạch đất theo đồ án 1/2000 (m ²)	Quy hoạch đến năm 2030	Trường thành lập mới đến năm 2030	Ghi chú
		Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2025	Đến năm 2030		Đến năm 2025	Đến năm 2030				
	MN Lê Lợi			509	562	6.082	7.246			Mở rộng 7.246 m ² bên cạnh trường		
	MN An Dương			775	855	5.818	1.200	11.000		Mở rộng 1.182 m ² khu nhà Văn hóa; đến năm 2030: quy hoạch điểm mới khu đất Lê Lợi rộng 11.000 m ²		
10.2	Tiểu học			1.735	2.082	12.819	15.000	15.482	14.200			
	TH Lê Lợi			590	708	5.940		8.000		Quy hoạch khu mới 8.000 m ² tại khu giữa Lương Quy		
	TH An Dương			1.145	1.374	6.879	15.000	7.482		Mở rộng 7.482 m ² khu trường THCS và 15.000 m ² đất trống phía sau 2 trường		
10.3	THCS			1.853	2.551	13.690	0	39.100	17.100			
	THCS Lê Lợi			713	1.069	6.140		14.100		Quy hoạch khu mới tại khu Lương Quy rộng 7.400 m ² ; khu Trảng Duệ rộng 9.700 m ²		
	THCS An Dương			1.140	1.482	7.550		25.000		Quy hoạch điểm mới khu đất Lê Lợi rộng 25.000 m ²		
10.4	THPT					22.860			22.860			
	THPT An Dương					12.860						
	THPT An Hải					10.000						
10.5	TT GDNN&GDTX					4.564			4.564			
11	Đại Bản	18.115	21.535			37.396						
11.1	Mầm non					14.104						
11.2	Tiểu học					15.651						
	TH Đại Bản 1					6.234						
	TH Đại bản 2					9.417						
11.3	THCS					7.641						
11.4	THPT					0						

TT	Bậc học/đơn vị	Dự báo dân số (10 phường)		Dân số độ tuổi học sinh điều tra (10 phường)		Diện tích đất hiện có (m ²)	Nhu cầu đất bổ sung (m ²)		Quy hoạch đất theo đồ án 1/2000 (m ²)	Quy hoạch đến năm 2030	Trường thành lập mới đến năm 2030	Ghi chú
		Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2025	Đến năm 2030		Đến năm 2025	Đến năm 2030				
12	An Hưng	12.260	13.959			44.810						
12.1	Mầm non					6.870						
12.2	Tiểu học					8.491						
12.3	THCS					8.559						
12.4	THPT					20.890						
13	An Hồng	13.041	14.735			21.774						
13.1	Mầm non					8.152						
13.2	Tiểu học					8.552						
13.3	THCS					5.070						
13.4	THPT					0						

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN ĐƯƠNG**

BIỂU 04: HẠNG MỤC, CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐỀ XUẤT ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

TT	Tên trường	Diện tích đất hiện có (m ²)	Hạng mục cải tạo, sửa chữa	Dự kiến mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn bố trí	Giai đoạn thực hiện	Ghi chú
1	Lê Thiện			135.000			
1.1	Mầm non Lê Thiện	5.528	Xây dựng nhà lớp học và các phòng chức năng	15.000	Đầu tư công	2022-2024	QĐ số 1194 ngày 22/5/2023 của UBND huyện
			Xây mới điểm trường khu Phú Xá rộng 5.000 m ² : đầu tư xây dựng các hạng mục nhà bảo vệ, cổng trường, tường bao, sân trường, hệ thống thoát nước; xây mới dãy nhà 03 tầng 15 phòng học và chức năng	30.000	Đầu tư công	2026-2030	
1.2	Tiểu học Lê Thiện	7.725	Xây dựng dãy nhà lớp học 03 tầng 12 phòng học	15.000	Nông thôn mới	2023-2025	NQ số 30/NQ-HĐND ngày 25/5/2023 của HĐND huyện
			Xây mới điểm trường khu Dụ Nghĩa rộng 5.000 m ² : đầu tư xây dựng các hạng mục nhà bảo vệ, cổng trường, tường bao, sân trường, hệ thống thoát nước; xây mới dãy nhà 03 tầng 15 phòng học và chức năng	30.000	Đầu tư công	2026-2030	
1.3	THCS Lê Thiện	4.280	Xây mới điểm trường THCS khu Dụ Nghĩa 7.000 m ² : đầu tư xây dựng các hạng mục nhà bảo vệ, cổng trường, tường bao, sân trường, hệ thống thoát nước; xây mới dãy nhà 03 tầng 15 phòng học; Xây mới khu hiệu bộ chức năng 3 tầng	45.000	Đầu tư công	2026-2030	
2	Tân Tiến			71.000			
2.1	Mầm non Tân Tiến	8.090	Cải tạo nhà lớp học 02 tầng hiện trạng; mở rộng sang khu đất trường Tiểu học rộng 3.300 m ² , xây mới các hạng mục: Nhà bảo vệ, cổng, tường bao, sân trường, thoát nước; Khu hiệu bộ, chức năng (02 tầng), nhà ăn; xây mới nhà lớp học 02 tầng 10 phòng học	34.000	Nông thôn mới	2023-2025	

TT	Tên trường	Diện tích đất hiện có (m ²)	Hạng mục cải tạo, sửa chữa	Dự kiến mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn bố trí	Giai đoạn thực hiện	Ghi chú
2.2	Tiểu học Tân Tiến	10.532	Mở rộng trường tiểu học sang khu đất quy hoạch cạnh trường rộng 5.341 m ² ; xây mới: nhà bảo vệ, cổng trường, tường bao, sân trường, thoát nước; xây mới dãy nhà 03 tầng 15 phòng học và chức năng	25.000	Nông thôn mới	2023-2025	Phê duyệt tại Công văn số 525/UBND-NN ngày 13/3/2023 của UBND thành phố chấp thuận danh mục NTM kiểu mẫu 2023
			Xây mới nhà đa năng	4.000	Đầu tư công	2026-2030	
2.3	THCS Tân Tiến	12.967	Xây mới nhà đa năng, khu vệ sinh học sinh và giáo viên; cải tạo sân trường, hệ thống thoát nước, tường bao phía sau trường	8.000	Nông thôn mới	2023-2025	
3	Bắc Sơn + Nam Sơn			192.980			
3.1	Mầm non Bắc Sơn	7.000	Quy hoạch khu mới thôn 1 rộng 7.000 m ² : đầu tư xây dựng các hạng mục nhà bảo vệ, cổng trường, tường bao, sân trường, hệ thống thoát nước; xây mới dãy nhà 03 tầng 15 phòng học; Xây mới khu hiệu bộ chức năng 3 tầng	45.000	Đầu tư công	2026-2030	
3.2	Mầm non Nam Sơn	3.983	Mở rộng sang khu đất trạm y tế rộng 2.039 m ² : Xây dãy 03 tầng 12 phòng học và chức năng	15.000	Đầu tư công	2026-2030	
			Xây điểm trường mới rộng 10.489 m ² tại Cách Hạ: xây mới các hạng mục: Nhà bảo vệ, cổng, tường bao, sân trường, thoát nước; Khu hiệu bộ, chức năng (02 tầng), nhà ăn; xây mới nhà lớp học 02 tầng 10 phòng học	35.000	Đầu tư công	2026-2030	
3.3	Tiểu học Nam Sơn	5.329	San lấp mặt bằng, xây dựng cổng, tường rào khu đất mở rộng 4.260 m ² .	10.000	Đầu tư công	2026-2030	
			Xây mới dãy nhà 03 tầng 15 phòng học	15.000	Đầu tư công	2026-2030	
3.4	THCS Bắc Sơn	8.057	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo Trường THCS Bắc Sơn	5.700	Nông thôn mới	2023-2025	
			Xây dựng dãy nhà lớp học 03 tầng 12 phòng học	15.000	Đầu tư công	2026-2030	

TT	Tên trường	Diện tích đất hiện có (m ²)	Hạng mục cải tạo, sửa chữa	Dự kiến mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn bố trí	Giai đoạn thực hiện	Ghi chú
3.5	THCS Nam Sơn	6.652	Bàn giao cơ sở vật chất Khu B rộng 2.366 m ² cho trường Tiểu học; Xây mới nhà đa năng diện tích 450 m ² .	4.000	Nông thôn mới	2023-2025	QĐ số 2301/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND huyện
			San lấp mặt bằng, xây dựng cổng, tường rào khu đất mở rộng 8.720 m ² .	14.280	Nông thôn mới	2023-2025	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND huyện
			Xây mới Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng, diện tích sàn xây dựng 1.740 m ²	20.800	Nông thôn mới	2023-2025	
			Xây mới khu hiệu bộ chức năng 3 tầng, diện tích sàn xây dựng 1.100 m ² .	13.200	Nông thôn mới	2023-2025	
4	Hồng Phong			51.000			
4.1	Mầm non Hồng Phong	14.350	Bỏ khu Hạ Đổ, xây dựng điểm trường đường Máy Chai (Hoàng Lâu) rộng 4.800m ²	30.000	Đầu tư công	2026-2030	
4.1	Tiểu học Hồng Phong	11.498	Xây dựng nhà đa năng	4.000	Đầu tư công	2026-2030	Chuẩn mức độ 2
			Xây mới dãy nhà 03 tầng 12 phòng học khu Hoàng Lâu	12.000	Đầu tư công	2026-2030	
4.2	THCS Hồng Phong	12.250	Mở rộng 3.000m ² đất bên cạnh trường	5.000	Đầu tư công	2026-2030	
5	An Hòa			60.000			
5.1	Mầm non An Hòa	10.440	Xây dựng điểm trường Tỉnh Thủy khu mới rộng 4.800 m ² (bỏ điểm cũ): xây mới các hạng mục: Nhà bảo vệ, cổng, tường bao, sân trường, thoát nước; Khu hiệu bộ, chức năng (02 tầng), nhà ăn; xây mới nhà lớp học 02 tầng 10 phòng học	30.000	Đầu tư công	2026-2030	
5.2	Tiểu học An Hòa	13.650	Mở rộng diện tích phía sau nhà trường, xây dựng nhà đa năng	10.000	Đầu tư công	2026-2030	Chuẩn mức độ 2
5.2	THCS An Hòa	6.300	Quy hoạch mở rộng trường THCS diện tích 6.300 m ²	20.000	Đầu tư công	2026-2030	
6	Đặng Cương + Quốc Tuấn			66.000			

TT	Tên trường	Diện tích đất hiện có (m ²)	Hạng mục cải tạo, sửa chữa	Dự kiến mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn bố trí	Giai đoạn thực hiện	Ghi chú
6.1	Mầm non Quốc Tuấn	10.237	Xây nhà đa năng, nâng cấp cải tạo bếp ăn khu Trung tâm	10.000	Nông thôn mới	2022-2024	QĐ số 3370/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của UBND huyện
6.2	Tiểu học Đặng Cương	8.469	Xây dựng nhà đa năng	4.000	Đầu tư công	2026-2030	Chuẩn mức độ 2
6.3	Tiểu học Quốc Tuấn	9.945	Xây dựng nhà đa năng	4.000	Đầu tư công	2026-2030	Chuẩn mức độ 2
6.4	Mầm non Đặng Cươn	5.442	Mở rộng 1.600 m ² phía sau trường	4.000	Đầu tư công	2026-2030	
6.5	THCS Đặng Cương	6.100	Xây dựng nhà lớp học 03 tầng 12 phòng học	15.000	Đầu tư công	2023-2025	
			Mở rộng diện tích đất về phía đường Nguyễn Trường Tộ	10.000	Đầu tư công	2026-2030	
6.5	THCS Quốc Tuấn	11.300	Xây dựng nhà đa năng	4.000	Đầu tư công	2026-2030	Chuẩn mức độ 2
			Xây dãy nhà Hiệu bộ, chức năng	15.000	Đầu tư công	2026-2030	
7	Hồng Thái			14.000			
7.1	Mầm non Hồng Thái	8.001	Mở rộng 2.800 m ² bên cạnh trường: San lấp mặt bằng, xây dựng tường bao, sân chơi, bãi tập	5.000	Đầu tư công	2023-2025	
7.2	Tiểu học Hồng Thái	8.440	Mở rộng 3.400 m ² bên cạnh trường: San lấp mặt bằng, xây dựng tường bao, sân chơi, bãi tập	5.000	Đầu tư công	2023-2025	
7.3	THCS Hồng Thái	12.450	Xây dựng nhà đa năng	4.000	Đầu tư công	2026-2030	Chuẩn mức độ 2
8	Đồng Thái			34.239			
8.1	Mầm non Đồng Thái	10.390	San lấp mặt bằng, xây dựng tường rào, mở rộng 2.600 m ² phía sau trường	4.239	Đầu tư công	2023-2025	
8.2	Tiểu học Đồng Thái	8.602	Xây dãy nhà Hiệu bộ, chức năng; nhà đa năng	15.000	Đầu tư công	2023-2025	
			Mở rộng 2.498 m ² phía sau nhà trường	5.000	Đầu tư công	2023-2025	
8.3	THCS Đồng Thái	9.277	Xây dựng nhà đa năng; Mở rộng 3.523 m ² phía sau nhà trường	10.000	Đầu tư công	2026-2030	Chuẩn mức độ 2
9	An Đông			77.000			

TT	Tên trường	Diện tích đất hiện có (m ²)	Hạng mục cải tạo, sửa chữa	Dự kiến mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn bố trí	Giai đoạn thực hiện	Ghi chú
9.1	Mầm non An Đồng 1	6.934	Mở rộng 4.000 m ² phía sau trường khu Vạn Cú; Quy hoạch điểm mới khu Vĩnh Khê rộng 10.699 m ² ; Trang Quan 2.282 m ²	50.000	Đầu tư công	2026-2030	
9.2	Mầm non An Đồng 2	4.337	Xây mới dãy nhà 03 tầng 06 phòng học và chức năng, diện tích sàn xây dựng 660 m ²	8.000	Nông thôn mới	2023-2025	
9.3	Tiểu học An Đồng	11.615	Mở rộng 4.600 m ² , xây mới dãy nhà 03 tầng 9 phòng học và chức năng tại điểm trường Vĩnh Khê, diện tích sàn xây dựng 864m ²	15.000	Nông thôn mới	2023-2025	
9.4	THCS An Đồng	14.250	Xây dựng nhà đa năng	4.000	Nông thôn mới	2023-2025	
10	Lê Lợi + An Dương			317.000			
10.1	Mầm non Lê Lợi	6.082	San lấp mặt bằng, xây dựng tường rào khu đất mở rộng 7.246 m ² đất bên cạnh trường;	12.000	Nông thôn mới	2023-2024	Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND huyện
			Xây mới dãy nhà chức năng 02 tầng 06 phòng chức năng, diện tích sàn xây dựng 800 m ²	10.000	Nông thôn mới	2023-2025	
			Xây dựng nhà lớp học 02 tầng 08 phòng, diện tích sàn xây dựng 1.760 m ²	10.000	Nông thôn mới	2023-2025	
10.2	Mầm non An Dương	5.818	Mở rộng 1.200 m ² khu nhà Văn hóa; Xây dựng nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	10.000	Đầu tư công	2022-2024	
			Xây dựng nhà nhà lớp học và phòng chức năng	15.000	Đầu tư công	2022-2024	
			Quy hoạch đầu tư xây dựng điểm mới khu đất Lê Lợi rộng 11.000 m ²	50.000	Đầu tư công	2026-2030	
10.3	Tiểu học An Dương	6.879	Mở rộng 15.000 m ² phần phía sau; 7.482 m ² trường THCS An Dương	10.000	Đầu tư công	2023-2025	
10.4	THCS An Dương	7.550	Xây dựng trường THCS An Dương trọng điểm chất lượng cao tại khu đất 25.000 m ² quy hoạch trên đất Lê Lợi	200.000	Đầu tư công	2026-2030	

TT	Tên trường	Diện tích đất hiện có (m ²)	Hạng mục cải tạo, sửa chữa	Dự kiến mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn bố trí	Giai đoạn thực hiện	Ghi chú
11	Đại Bản			25.742			
11.1	Mầm non Đại Bản	14.126	Xây mới bếp ăn, nâng cấp, cải tạo khu sân chơi, tường bao khu Xuyên Đông	4.000	Nông thôn mới	2022-2024	
11.2	Tiểu học Đại Bản 1	6.234	Nâng cấp sân trường, tường bao, hệ thống thoát nước, xây mới khu vệ sinh học sinh, bếp ăn	7.000	Nông thôn mới	2022-2024	
11.1	THCS Đại Bản	7.641	San lấp mặt bằng để xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ mở rộng Trường Trung học cơ sở Đại Bản	10.742	Nông thôn mới	2023-2025	Chuẩn mức độ 2
			Xây dựng nhà đa năng	4.000	Nông thôn mới	2023-2025	
12	An Hưng			24.000			
12.1	Mầm non An Hưng	7.710	Xây nhà 3 tầng gồm 08 phòng học và các phòng chức năng, hội trường (khu Trung tâm)	10.000	Nông thôn mới	2023-2025	
12.2	Tiểu học An Hưng	8.559	Xây mới nhà đa năng, bếp ăn và nhà bảo vệ; nâng cấp, cải tạo khu nhà vệ sinh giáo viên và học sinh; cải tạo, nâng cấp dãy nhà Hiệu bộ và dãy nhà 03 tầng	14.000	Nông thôn mới	2023-2025	
13	An Hồng			21.402			
13.1	Mầm non An Hồng	8.152	Mở rộng diện tích 10.000 m ² đất phía sau trường học: san lấp mặt bằng, xây dựng tường bao	10.000	Đầu tư công	2023-2025	
13.2	THCS An Hồng	5.070	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ (nâng tầng 3 nhà lớp học 02 tầng 04 phòng học; cải tạo tầng 1, tầng 2, xây dựng cầu thang thoát hiểm 3 tầng)	11.402	Đầu tư công	2023-2025	Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND huyện
Tổng đầu tư 2022-2025: 34 dự án				379.363			
Tổng đầu tư 2026-2030: 28 dự án				710.000			
Tổng mức đầu tư: 62 dự án				1.089.363			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG**

BIỂU 05: DỰ KIẾN THÀNH LẬP TRƯỜNG HỌC MỚI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

TT	Tên trường	Xã, thị trấn	Hình thức	Diện tích đất (m ²)	Quy mô		Dự kiến giai đoạn xây dựng		Ghi chú
					Số lớp	Số HS	2023-2025	2025-2030	
1	Trường mầm non tư thục	Xã Tân Tiến	Ngoài công lập	1.500	10	300		x	
2	Trường mầm non tư thục	Xã Lê Lợi	Ngoài công lập	1.500	5	150		x	
3	Trường mầm non tư thục	Xã Hồng Phong	Ngoài công lập	1.500	10	300		x	
4	Trường mầm non tư thục	Xã Đặng Cương	Ngoài công lập	1.500	5	150		x	
5	Trường mầm non tư thục	Xã An Đồng	Ngoài công lập	1.500	10	300	x		
6	Trường phổ thông liên cấp quốc tế	Xã Hồng Thái	Ngoài công lập	8.000	60	1.800		x	
7	Trường THPT An Dương (phân hiệu 2)	Xã Hồng Phong	Công lập	32.600	30	1.350			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG**

BIỂU 6: QUY MÔ PHÁT TRIỂN CBQL, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN CÁC TRƯỜNG CÔNG LẬP ĐẾN NĂM 2030

TT	Nội dung	Năm học 2023-2024									Năm học 2025-2026 Quy mô: mầm non 316 lớp (Nhà trẻ: 106 lớp; Mẫu giáo: 298 lớp); tiểu học 401 lớp; THCS 297 lớp)						Năm học 2030-2031 Quy mô: mầm non 465 lớp (Nhà trẻ: 144 lớp; Mẫu giáo: 321 lớp); tiểu học 471 lớp; THCS 370 lớp)				
		Tổng	Trung cấp	Cao đẳng	Tỷ lệ (%)	Đại học	Tỷ lệ (%)	Thạc sĩ	Tỷ lệ (%)	Còn thiếu	Tổng	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Tỷ lệ (%)	Thạc sĩ	Tỷ lệ (%)	Tổng	Đại học	Thạc sĩ	Tỷ lệ (%)
I	Cán bộ quản lý	124				98	79,032	26	20,97	4	108			57	52,78	51	47,22	142	68	74	52,11
1	Mầm non	51				47	92,157	4	7,84	1	42			32	76,19	10	23,81	64	34	30	46,88
2	Tiểu học	42				35	83,333	7	16,67	1	36			20	55,56	16	44,44	39	19	20	51,28
3	THCS	31				16	51,613	15	48,39	2	30			5	16,67	25	83,33	39	15	24	61,54
II	Giáo viên	1.813	9	190	10,48	1.562	86,156	52	2,87	154	2.087	5	12	1.926	92,29	145	6,95	2.476	2.315	261	10,54
1	Mầm non	614	9	27	4,397	577	93,974	1	0,16	71	921	5	12	904	98,15	1	0,11	1066	1026	40	3,75
	Nhà trẻ	99	4	4	4,04	91	91,919			16	265	3	2	260	98,11			360	340	20	5,56
	Mẫu giáo	515	5	23	4,466	486	94,369	1	0,19	55	656	2	10	644	98,17	1		706	686	20	2,83
2	Tiểu học	673		137	20,36	527	78,306	9	1,34	50	602			542	90,03	60	9,97	707	706	101	14,29
3	THCS	526		26	4,943	458	87,072	42	7,98	33	564			480	85,11	84	14,89	703	583	120	17,07
III	Nhân viên	252	115	88	34,92	49	19,444	0	0,00	36	294	105	65	124	42,18	0	0,00	354	186	0	0
1	Mầm non	198	115	61	30,81	22	11,111			24	190	105	65	20	10,53			224	56		
2	Tiểu học	21		14	66,67	7	33,333			5	52			52	100			65	65		
3	THCS	33		13	39,39	20	60,606			7	52			52	100			65	65		
Tổng		2.189	124	278	12,7	1.709	78,072	78	3,56	194	2.489	110	77	2.107	84,65	196	7,87	2.972	2.569	335	11,27

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG**

BIỂU 07: CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON PHỔ THÔNG HUYỆN AN DƯƠNG ĐẾN NĂM 2030

TT	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	Mục tiêu cần đạt	Chỉ tiêu đến năm 2025	Chỉ tiêu đến năm 2030	Ghi chú
I	Giáo dục mầm non					
1	Quy mô trường, lớp					
	- Số trường	Trường		22	26	
	Công lập	Trường		14	14	
	Ngoài công lập	Trường		8	12	
	- Số lớp	Lớp		404	465	
	Công lập	Lớp		304	365	
	Nhà trẻ	Lớp		67	105	
	Mẫu giáo	Lớp		237	260	
	Ngoài công lập	Lớp		100	100	
	Nhà trẻ	Lớp		39	39	
Mẫu giáo	Lớp		61	61		
2	Trẻ mầm non	Trẻ		10.902	12.551	
	Số trẻ nhà trẻ	Trẻ		2.393	3.365	
	Tỷ lệ huy động nhà trẻ	%		46	60	
	Số trẻ mẫu giáo	Trẻ		8.509	9.186	
	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%		100	100	
	- Học ở cơ sở công lập	Trẻ		8.773	9.294	
	+ Nhà trẻ	Trẻ		1.665	2.637	
	+ Mẫu giáo	Trẻ		7.108	7.785	
	- Học tại cơ sở ngoài công lập	Trẻ		2.704	3.222	
	+ Nhà trẻ	Trẻ		728	728	
+ Mẫu giáo	Trẻ		1.401	1.401		
3	Ứng dụng Chương trình GDMN tiên tiến					
	Tỷ lệ các trường Ứng dụng giáo dục STEM	%		100	100	
	Tỷ lệ các trường Ứng dụng giáo dục Montessori	%		30	50	
	Cơ sở GDMN ngoài công lập được cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định	%	100	100	100	
II	Giáo dục tiểu học					
1	Quy mô trường, lớp					
	Số trường công lập	Trường		13	13	
	Số lớp	Lớp		401	493	
	Số học sinh	Học sinh		15.228	17.255	
	Chỉ số chất lượng					

TT	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	Mục tiêu cần đạt	Chỉ tiêu đến năm 2025	Chỉ tiêu đến năm 2030	Ghi chú
2	Tỷ lệ huy động trẻ vào lớp 1	%		100	100	
	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	%		99,99	99,99	
	Tỷ lệ học sinh hoàn thành Chương trình tiêu học	%		100	100	
	Tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày	%		100	100	
	Tỷ lệ học sinh ăn bán trú trưa tại trường	%		50	80	
	Số HS lớp 3, lớp 4, lớp 5 (đủ sức khỏe) các trường tiểu học công lập tham gia học bơi	%		70	100	
	Tỷ lệ học sinh học ngoại ngữ, tin học theo Chương trình GDPT 2018	%		100	100	
	Số trường tiểu học triển khai mô hình dạy học theo định hướng giáo dục thông minh	Trường		1	10	
	Trường tiểu học đứng trong top đầu thành phố về chất lượng giáo dục tiểu học	Trường		1	5	
III	Giáo dục trung học cơ sở					
1	Quy mô trường, lớp					
	Số trường công lập	Trường		13	13	
	Số lớp	Lớp		296	400	
	Số học sinh	Học sinh		13.320	18.000	
	Trường liên cấp quốc tế	Trường			1	
2	Chỉ số chất lượng					
	Tỷ lệ huy động trẻ vào lớp 6	%		100	100	
	Tỷ lệ tốt nghiệp THCS	%		100	100	
	Học sinh THCS có chứng chỉ tin học, ngoại ngữ quốc tế hoặc có trình độ tương đương	%		10	30	
	Số học sinh tham gia học bơi, hoàn thành chương trình được cấp giấy chứng nhận	100%		60	90	
	Tỷ lệ học sinh học ngoại ngữ, tin học theo Chương trình GDPT 2018	%		100	100	
	Số trường THCS triển khai mô hình dạy học theo định hướng giáo dục thông minh	Trường		1	10	
	Bình quân điểm thi vào lớp 10 THPT hàng năm		Trên trung bình thành phố	Tốp 5	Tốp 3	
	Học sinh thi đỗ vào trường chuyên	Học sinh		20	50	
	Xếp hạng thi học sinh giỏi THCS cấp thành phố			Tốp 5	Tốp 3	
	Số trường có thứ hạng điểm trung bình thi vào lớp 10 THPT trong top 5 thành phố	Trường			1	
Số trường có thứ hạng điểm trung bình thi vào lớp 10 THPT trong top 10 thành phố	Trường			1		

TT	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	Mục tiêu cần đạt	Chỉ tiêu đến năm 2025	Chỉ tiêu đến năm 2030	Ghi chú
	Số trường có thứ hạng điểm trung bình thi vào lớp 10 THPT trong top 20 thành phố	Trường		1	2	
	Số trường có thứ hạng điểm trung bình thi vào lớp 10 THPT trong top 30 thành phố	Trường		2	2	
IV	Giáo dục trung học phổ thông					
1	Số trường THPT công lập	Trường		1	2	
2	Số trường THPT ngoài công lập	Trường		2	2	
3	Tỷ lệ huy động vào THPT	%		80	90	
4	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT	%		99,99	100	
5	Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT hàng năm			Tốp 10	Tốp 5	
6	Chất lượng thi học sinh giỏi cấp thành phố trở lên hàng năm			Tốp 10	Tốp 5	
7	Số học sinh thi tốt nghiệp THPT đạt từ 27 điểm trở lên	Học sinh		10	30	
III	Chỉ số trường chuẩn					
1	Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia	%	100	100	100	
2	Số trường ngoài công lập đạt chuẩn quốc gia	Trường		1	3	
2.1	Mầm non	Trường			1	
2.2	Trung học phổ thông	Trường		1	2	
3	Số trường công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	Trường	80%	18	32	
3.1	Mầm non	Trường		6	11	
3.2	Tiểu học	Trường		4	10	
3.3	Trung học cơ sở	Trường		8	11	
4	Trường trọng điểm chất lượng cao	Trường		2	3	
4.1	Mầm non	Trường			1	
4.2	Tiểu học	Trường		1	1	
4.3	Trung học cơ sở	Trường		1	1	
IV	Quy hoạch mạng lưới các trường công lập					
1	Xây dựng trường ra địa điểm mới	Trường	Các trường công lập phải đủ về diện tích, đạt chuẩn về CSVC và có đủ phòng học, phòng bộ môn theo chuẩn CSVC mức 2.			
	Mầm non				1	
	Tiểu học					
	THCS				2	

TT	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	Mục tiêu cần đạt	Chỉ tiêu đến năm 2025	Chỉ tiêu đến năm 2030	Ghi chú
2	Mở rộng diện tích và xây thêm các công trình mới	Trường	Chuẩn CSVC mức 2, các phòng học được xây kiên cố đủ diện tích đảm bảo mỗi lớp có một phòng, có đủ nhà vệ sinh theo chuẩn			
	Mầm non			6	2	
	Tiểu học			3	7	
	THCS			1	3	
3	Xây dựng các công trình mới trên diện tích đã có; cải tạo, sửa chữa, nâng cấp	Trường		8	10	
VI	ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN					
1	Tỷ lệ đạt chuẩn theo trình độ đào tạo	%		100	100	
2	Tỷ lệ giáo viên theo định biên	%		98	100	
3	Tỷ lệ đồng bộ về cơ cấu	%		98,5	99,5	
4	Tỷ lệ đạt tiếng Anh theo chuẩn Châu Âu	%		60	90	
VII	CHUYÊN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC					
1	Tỷ lệ trường đảm bảo CSVC về dạy học, quản lý trên môi trường số	%		75	100	
2	Tỷ lệ học sinh tham gia các kho học liệu, tham gia tương tác trên môi trường số	%		50	80	
3	Tỷ lệ các trường tham gia xây dựng, khai thác kho học liệu số dùng chung và có thư viện số	%		80	100	
4	Tỷ lệ các thủ tục hành chính của nhà trường được thực hiện trên môi trường số	%		70	90	
5	Tỷ lệ các trường có phòng học thông minh	%		50	90	
6	Tỷ lệ các trường có thư viện đạt chuẩn mức độ 2	%		50	90	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG**

BIỂU 08: KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030

TT	Tên cơ sở giáo dục	Công nhận đạt chuẩn QG				Công nhận lại đạt CQG đến năm 2025	Xây dựng trường đạt CQG mức độ 2		
		Năm công nhận	Mức 1	Mức 2	Số quyết định công nhận		Năm 2023-2024	Năm 2025	2025-2030
Chia theo phường			47	3		14	10	9	14
1	Lê Thiện		3				1		
	Mầm non Lê Thiện	2021	x						
	Tiểu học Lê Thiện	2004	x				x		
	THCS Lê Thiện	2023	x						
2	Tân Tiến		3			2	1		2
	Mầm non Tân Tiến	2004	x			x			x
	Tiểu học Tân Tiến	1998	x			x			x
	THCS Tân Tiến	2005	x				x		
3	Bắc Sơn + Nam Sơn		6			3	1	2	3
	Mầm non Bắc Sơn	2017	x			x			x
	Mầm non Nam Sơn	2004	x			x			x
	Tiểu học Bắc Sơn	2004	x			x			x
	Tiểu học Nam Sơn	2001	x					x	
	THCS Bắc Sơn	2021	x				x		
	THCS Nam Sơn	2020	x					x	
4	Hồng Phong		3				1	1	
	Mầm non Hồng Phong	2023	x					x	
	Tiểu học Hồng Phong	2021	x						
	THCS Hồng Phong	2013	x				x		
5	An Hòa		2	1			1		
	Mầm non An Hòa	2023		x					
	Tiểu học An Hòa	2020	x						
	THCS An Hòa	2021	x				x		
6	Đặng Cương + Quốc Tuấn		6			2	1	1	4

TT	Tên cơ sở giáo dục	Công nhận đạt chuẩn QG				Công nhận lại đạt CQG đến năm 2025	Xây dựng trường đạt CQG mức độ 2		
		Năm công nhận	Mức 1	Mức 2	Số quyết định công nhận		Năm 2023-2024	Năm 2025	2025-2030
	Mầm non Đặng Cương	2008	x			x		x	
	Mầm non Quốc Tuấn	2011	x				x		
	Tiểu học Đặng Cương	2000	x			x		x	
	Tiểu học Quốc Tuấn	2023	x					x	
	THCS Đặng Cương	2008	x				x		
	THCS Quốc Tuấn	2021	x					x	
7	Hồng Thái		2	1		1	1	2	
	Mầm non Hồng Thái	2023		x					
	Tiểu học Hồng Thái	2005	x				x	x	
	THCS Hồng Thái	2005	x			x		x	
8	Đồng Thái		3			3		3	
	Mầm non Đồng Thái	2015	x			x		x	
	Tiểu học Đồng Thái	2003	x			x		x	
	THCS Đồng Thái	2005	x			x		x	
9	An Đông		4			2		1	
	Mầm non An Đông 1	2004	x			x			
	Mầm non An Đông 2	2023	x						
	Tiểu học An Đông	2006	x			x			
	THCS An Đông	2004	x					x	
10	An Dương + Lê Lợi		6				2	2	
	Mầm non An Dương	2005	x					x	
	Mầm non Lê Lợi	2018	x				x		
	Tiểu học An Dương	2001	x					x	
	Tiểu học Lê Lợi	2021	x						
	THCS An Dương	2023	x				x		
	THCS Lê Lợi	2021	x						
11	Đại Bản		4					1	
	Mầm non Đại Bản	2023	x						

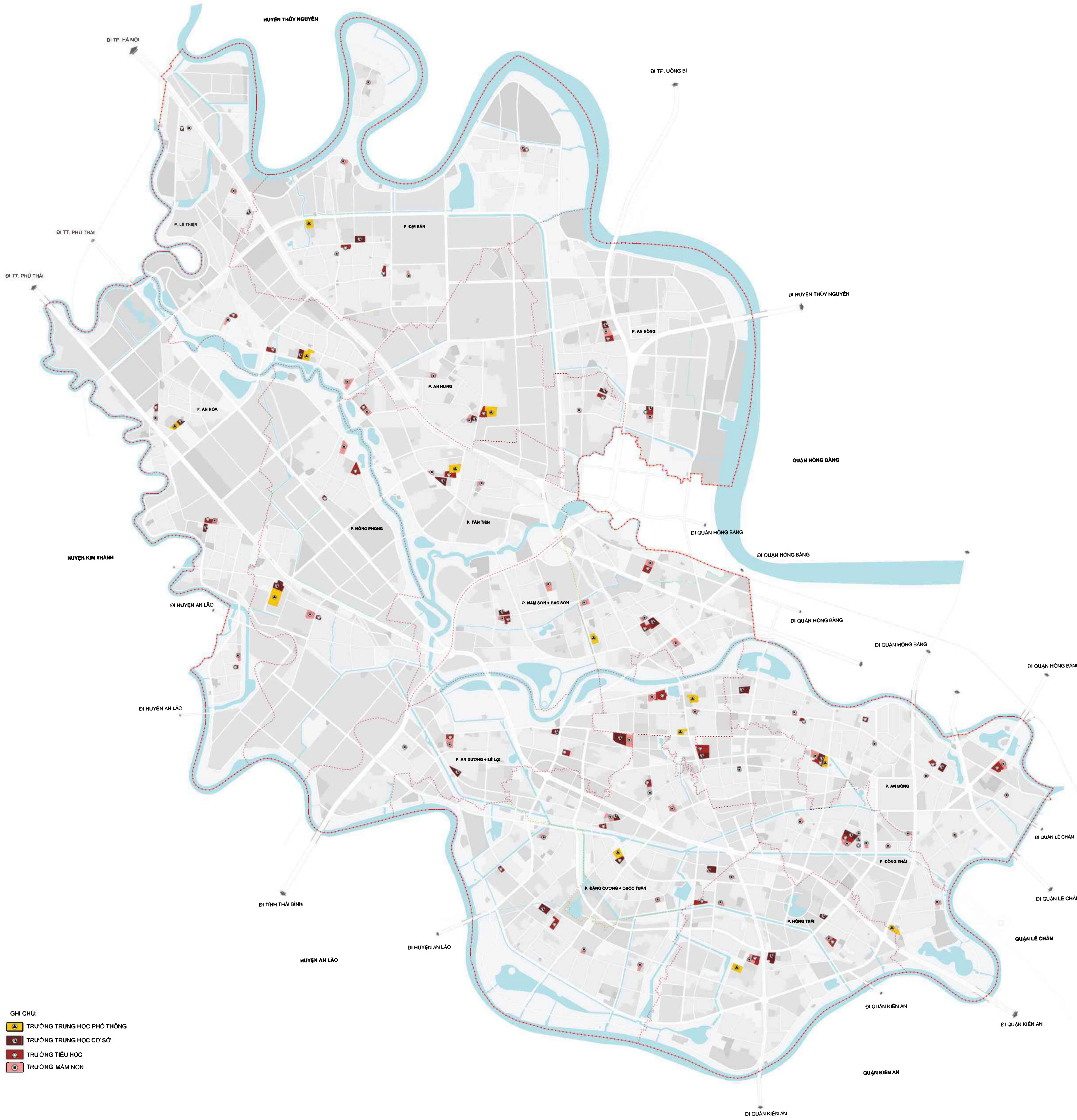
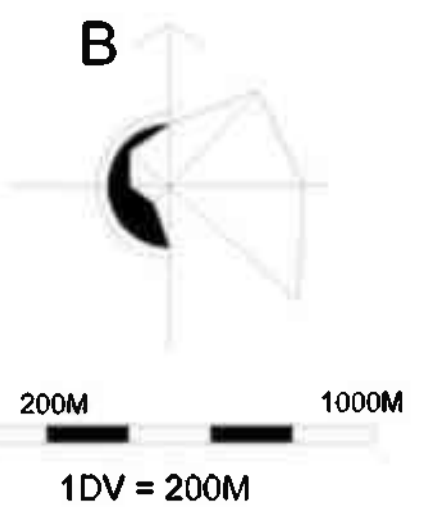
TT	Tên cơ sở giáo dục	Công nhận đạt chuẩn QG				Công nhận lại đạt CQG đến năm 2025	Xây dựng trường đạt CQG mức độ 2		
		Năm công nhận	Mức 1	Mức 2	Số quyết định công nhận		Năm 2023-2024	Năm 2025	2025-2030
	Tiểu học Đại Bản 1	2023	x						
	Tiểu học Đại Bản 2	2019	x						
	THCS Đại Bản	2021	x				x		
12	An Hưng		3			1	1		
	Mầm non An Hưng	2005	x			x			
	Tiểu học An Hưng	2001	x				x		
	THCS An Hưng	2017	x						
13	An Hồng		2	1			1		
	Mầm non An Hồng	2013	x			x			
	Tiểu học An Hồng	2020		x					
	THCS An Hồng	2005	x						
	Chia theo bậc học								
I	Bậc mầm non		15	2		7	2	3	
1	Mầm non Lê Thiện	2021	x		Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND thành phố				
2	Mầm non Tân Tiến	2004	x		QĐ số 3737/GD-ĐT ngày 05/7/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	x		x	
3	Mầm non Bắc Sơn	2017	x		Quyết định số 1514/QĐ- UBND ngày 01/6/2017 của UBND thành phố	x		x	
4	Mầm non Nam Sơn	2004	x		Quyết định số 3737/QĐ-BGD&ĐT-GDMN ngày 05/7/2004 của Bộ GD&ĐT	x		x	
5	Mầm non Hồng Phong	2023	x		Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND thành phố		x		
6	Mầm non An Hòa	2023		x	Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND thành phố				
7	Mầm non Đặng Cương	2008	x		Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND thành phố	x		x	

TT	Tên cơ sở giáo dục	Công nhận đạt chuẩn QG				Công nhận lại đạt CQG đến năm 2025	Xây dựng trường đạt CQG mức độ 2		
		Năm công nhận	Mức 1	Mức 2	Số quyết định công nhận		Năm 2023-2024	Năm 2025	2025-2030
8	Mầm non Quốc Tuấn	2011	x		Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 17/11/2011 của UBND thành phố			x	
9	Mầm non Hồng Thái	2023		x	ngày 17/11/2011 của UBND thành phố				
10	Mầm non Đồng Thái	2015	x		Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND thành phố	x			x
11	Mầm non An Đồng 1	2004	x		Quyết định số QĐ3737/GD&ĐT ngày 05/7/2004 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT	x			
12	Mầm non An Đồng 2	2023	x		Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND thành phố				
13	Mầm non An Dương	2005	x		Quyết định số 2645 /QĐ-UBND ngày 17/11/2005 của UBND thành phố			x	
14	Mầm non Lê Lợi	2018	x		Quyết định số 32/QĐ-CT ngày 05/01/2019 của UBND thành phố		x		
15	Mầm non Đại Bản	2023	x		Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND thành phố				
16	Mầm non An Hưng	2005	x		QĐ số 2009/QĐ-UBND ngày 29/8/2005 của UBND thành phố	x			
17	Mầm non An Hồng	2013	x		Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 15/5/2013 của UBND thành phố		x		
II	Cấp Tiểu học		16	1		5	2	3	6
1	Tiểu học Lê Thiện	2004	x		Quyết định số 4794/QĐ-BGD&ĐT-GDTH ngày 26/8/2004 của Bộ GD&ĐT		x		
2	Tiểu học Tân Tiến	1998	x		Quyết định số 4652/GD-ĐT ngày 23/11/1998 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	x			x
3	Tiểu học Bắc Sơn	2004	x		Quyết định số 4794/QĐ-BGD&ĐT-GDTH ngày 26/8/2004 của Bộ GD&ĐT	x			x
4	Tiểu học Nam Sơn	2001	x		Quyết định số 6043/QĐ-BGD&ĐT-GDTH ngày 02/11/2001 của Bộ GD&ĐT			x	
5	Tiểu học Hồng Phong	2021	x		Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của UBND thành phố				
6	Tiểu học An Hòa	2020	x		Quyết định số 3757/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của UBND thành phố				

TT	Tên cơ sở giáo dục	Công nhận đạt chuẩn QG				Công nhận lại đạt CQG đến năm 2025	Xây dựng trường đạt CQG mức độ 2		
		Năm công nhận	Mức 1	Mức 2	Số quyết định công nhận		Năm 2023-2024	Năm 2025	2025-2030
7	Tiểu học Đặng Cương	2000	x			x			x
8	Tiểu học Quốc Tuấn	2023	x		Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 25/08/2023 của UBND thành phố				x
9	Tiểu học Hồng Thái	2005	x		Quyết định số 701/QĐ-UB ngày 09/05/2005 của UBND thành phố		x		x
10	Tiểu học Đồng Thái	2003	x		Quyết định số 875/QĐ-BGDĐT ngày 25/2/2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	x			x
11	Tiểu học An Đồng	2006	x		Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 25/5/2006 của UBND thành phố	x			
12	Tiểu học An Dương	2001	x		Quyết định số 181/QĐ-BGD&ĐT-GDTH ngày 12/01/2001 của Bộ Giáo dục và Đào tạo			x	
13	Tiểu học Lê Lợi	2021	x		Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 7/01/2021 của UBND thành phố				
14	Tiểu học Đại Bản 1	2023	x		Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND thành phố				
15	Tiểu học Đại Bản 2	2019	x		Quyết định số 1292/QĐ-CT ngày 03/06/2019 của UBND thành phố				
16	Tiểu học An Hưng	2001	x		Quyết định số 4652/GD-ĐT ngày 23/11/2000 của Bộ Giáo dục và Đào tạo			x	
17	Tiểu học An Hồng	2020		x	Quyết định số 3757/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của UBND thành phố				
III	Cấp THCS		16			2	6	3	3
1	THCS Lê Thiện	2023	x		Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND thành phố				
2	THCS Tân Tiến	2005	x		Quyết định số 2645/QĐ-UBND ngày 17/11/2005 của UBND thành phố		x		
3	THCS Bắc Sơn	2021	x		Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND thành phố		x		

TT	Tên cơ sở giáo dục	Công nhận đạt chuẩn QG				Công nhận lại đạt CQG đến năm 2025	Xây dựng trường đạt CQG mức độ 2		
		Năm công nhận	Mức 1	Mức 2	Số quyết định công nhận		Năm 2023-2024	Năm 2025	2025-2030
4	THCS Nam Sơn	2020	x		Quyết định số 3757/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của UBND TP			x	
5	THCS Hồng Phong	2013	x		Quyết định số 4518/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của UBND thành phố		x		
6	THCS An Hòa	2021	x		Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND thành phố		x		
7	THCS Đặng Cương	2008	x				x		
8	THCS Quốc Tuấn	2021	x		Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của UBND TP				x
9	THCS Hồng Thái	2005	x		Quyết định số 2032/QĐ-UB ngày 31/8/2005 của UBND thành phố	x			x
10	THCS Đồng Thái	2005	x		Quyết định số 2614/QĐ-UB ngày 17/11/2005 của UBND thành phố	x			x
11	THCS An Đồng	2004	x					x	
12	THCS An Dương	2023	x		Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND TP		x		
13	THCS Lê Lợi	2021	x		Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND thành phố				
14	THCS Đại Bản	2021	x		Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của UBND thành phố			x	
15	THCS An Hưng	2017	x		Quyết định số 122/QĐ-CT ngày 18/01/2018 của UBND thành phố				
16	THCS An Hồng	2005	x		Quyết định số 2645/QĐ-UB ngày 17/11/2005 của UBND thành phố				
Toàn huyện			47	3		14	10	9	14

BẢN ĐỒ MẠNG LƯỚI CÁC TRƯỜNG MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG HUYỆN AN DƯƠNG ĐẾN NĂM 2030



- GHI CHÚ:
- TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
 - TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
 - TRƯỜNG TIỂU HỌC
 - TRƯỜNG MẦM NON